

NĂNG ĐỘNG,
TIÊN PHONG
NÂNG TẦM
CAO MỚI





NỘI DUNG

- 04 Các chỉ số tài chính cơ bản
- 06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1 GIỚI THIỆU DOANH NGHIỆP

- 10 Thông tin Công ty
- 15 Cổ đông và đối tác
- 16 Quá trình hình thành và phát triển
- 18 Thông tin cổ phần và Cổ đông
- 20 Sự kiện nổi bật trong năm 2018
- 22 Các giải thưởng
- 24 Sơ đồ tổ chức
- 26 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 30 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 32 Giới thiệu Ban Điều hành
- 36 Định hướng phát triển giai đoạn 2018 - 2023
- 38 Các rủi ro

2 BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018 & KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

- 42 Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018
- 46 Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2018
- 48 Báo cáo tình hình triển khai các giải pháp kinh doanh năm 2018
- 52 Nguồn nhân lực
- 54 Kế hoạch hoạt động năm 2019 - Giải pháp kinh doanh 2019

3 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 60 Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững
- 62 Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan
- 64 Hoạt động phúc lợi
- 66 Trách nhiệm với môi trường

4 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

- 70 Báo cáo của Ban Điều hành
- 72 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 74 Bảng cân đối kế toán
- 76 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 79 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 80 Thuyết minh báo cáo tài chính

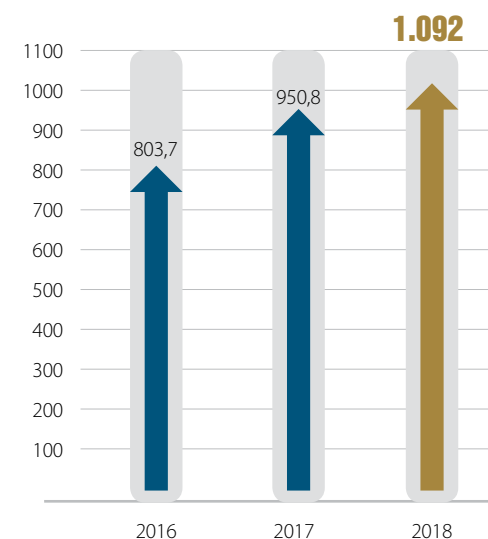
119 Mạng lưới hoạt động

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM TRONG NĂM 2018

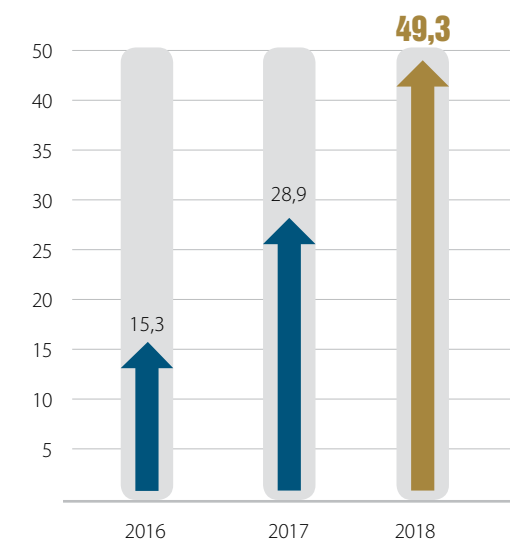
1.092 TỶ ĐỒNG

➔ 15% SO VỚI NĂM 2017
HOÀN THÀNH 100,4%
KẾ HOẠCH

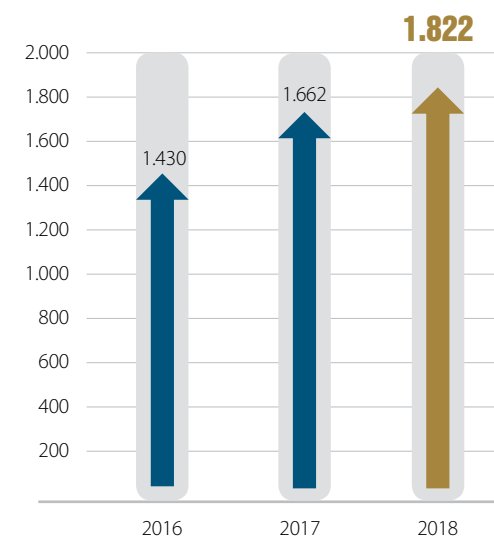
TỔNG DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM (tỷ đồng)



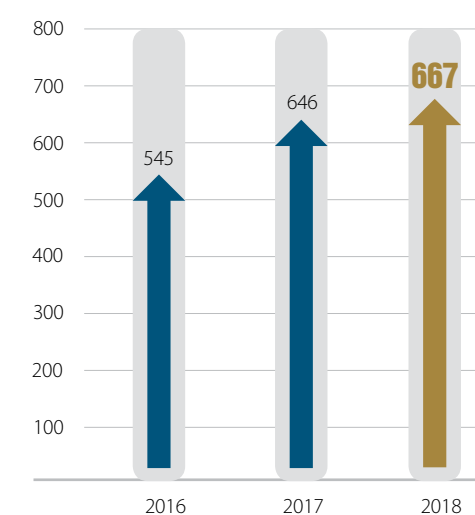
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (tỷ đồng)



TỔNG TÀI SẢN (tỷ đồng)



VỐN CHỦ SỞ HỮU (tỷ đồng)





NĂM 2018, BẢO LONG ĐÃ HOÀN THÀNH CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH ĐỀ RA, TIẾP TỤC NÂNG CAO HƠN NỮA VỊ THẾ CỦA MÌNH TRÊN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM.

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBNV.

Năm 2018 là năm đầu tiên của chiến lược kinh doanh 5 năm giai đoạn 2018 – 2023, với việc triển khai đồng bộ 8 nhóm giải pháp chiến lược, Bảo Long đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đề ra, tiếp tục nâng cao hơn nữa vị thế của mình trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Kết thúc năm 2018, Doanh thu phí bảo hiểm đạt 1.092 tỷ đồng, tăng trưởng 15% so với năm 2017, hoàn thành 100,4% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 49,3 tỷ đồng và hoàn thành 102,1% kế hoạch. Tổng tài sản đạt 1.822 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 666,5 tỷ đồng. Thành công có được của Bảo Long ngày hôm nay đến từ sự nỗ lực của toàn thể CBNV cũng như sự chỉ đạo điều hành của Ban Lãnh đạo, và sự đồng lòng vì mục tiêu phát triển chung của Bảo Long. Ngoài ra còn là sự tin tưởng – hài lòng của Quý Khách hàng khi lựa chọn sử dụng các sản phẩm dịch vụ của Bảo Long.

Với mục tiêu **“CHUYỂN ĐỔI TOÀN DIỆN – NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU”**, năm 2018 Bảo Long thực hiện rà soát và điều chỉnh mô hình hoạt động đảm bảo tính minh bạch trong công tác quản lý, điều hành... từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Song song đó, Bảo Long tiếp tục điều chỉnh hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của mình một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của Cổ đông và hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm Khách hàng, Người Lao động và Cộng đồng.

Bên cạnh việc nâng cao công tác quản trị điều hành, chất lượng sản phẩm – dịch vụ luôn được Bảo Long chú trọng điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của Khách hàng cũng như sự phát triển của thị trường. Ngoài các sản phẩm bảo hiểm

truyền thống, Bảo Long mạnh dạn tiên phong đi trước đón đầu khi kết hợp với các đối tác triển khai các sản phẩm bảo hiểm, các nền tảng viễn thông và CNTT, cũng như ra mắt các sản phẩm sức khỏe đa dạng đáp ứng được nhu cầu của các Khách hàng, phối hợp sâu rộng hơn nữa với các Định chế Tài chính để khai thác triệt để kênh Bancassurance... Đi đôi với sản phẩm là chất lượng dịch vụ luôn được Bảo Long chú trọng điều chỉnh nhằm đem đến sự hài lòng cao nhất đối với Khách hàng.

Nền tảng đã đạt được của năm 2018 là tiền đề cho sự phát triển tiếp theo, năm 2019 sẽ là năm thứ 2 của chiến lược 5 năm và cũng là năm bắt đầu bước vào giai đoạn tăng trưởng nhanh với mục tiêu **“NĂNG ĐỘNG TIÊN PHONG – NÂNG TẦM CAO MỚI”**, tập thể CBNV Bảo Long cam kết chung sức đồng lòng để hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh, tạo đà bứt phá góp phần thực hiện thành công mục tiêu chiến lược giai đoạn 2018 -2023.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn và kính chúc mọi điều tốt đẹp đến với các quý Khách hàng, quý Cổ đông, các Đối tác và toàn thể CBNV Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Trân trọng!

Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thành Long

01. GIỚI THIỆU DOANH NGHIỆP

ĐỔI MỚI TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN

Bảo Long luôn ý thức rằng, đổi mới là cách duy nhất để bắt kịp nhu cầu phát triển của thị trường. Với triết lý đó, Bảo Long luôn linh hoạt và kịp thời cung cấp những sản phẩm dịch vụ bảo hiểm hiện đại, phù hợp với từng đối tượng Khách hàng, tương ứng với từng giai đoạn phát triển. Năm 2018 là năm đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của Bảo Long với những thay đổi tích cực nhằm hướng đến tương lai gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững.





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Tên tiếng Anh	: Bao Long Insurance Corporation
Tên giao dịch	: Bảo hiểm Bảo Long
Tên viết tắt	: Bảo Long
Địa chỉ	: 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: (84.28) 38 239 219
Fax	: (84.28) 38 228 967
Website	: baolonginsurance.com.vn
Tài khoản số	: 156 01 0126637 0001 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Phạm Ngọc Thạch, TP.HCM
Vốn điều lệ	: 600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng)
Ngành nghề kinh doanh	: Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm Hoạt động đầu tư

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm vào ngày 11/07/1995, với tên gọi là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng.

Bảo Long là Công ty cổ phần đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm Phi nhân thọ tại Việt Nam và đã được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận số 05TC/GCN xác nhận đủ tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Ngày 14/5/2012 Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long).

Trải qua hơn 24 năm hoạt động và phát triển, đến nay Bảo Long đã có 46 công ty thành viên trực thuộc phân bố rộng khắp từ Nam ra Bắc. Ngoài ra, Bảo Long có gần 1,000 đại lý bảo hiểm đưa sản phẩm bảo hiểm tới tận tay người có nhu cầu, tư vấn dịch vụ cho Khách hàng tham gia bảo hiểm.

Với năng lực tài chính hùng mạnh, đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, Bảo Long hoàn toàn có khả năng đáp ứng được mọi nhu cầu bảo hiểm của Khách hàng.



SLOGAN

"Đồng hành - Đồng chia sẻ"

Bảo Long không ngừng cải tiến để mang lại dịch vụ tốt nhất cho các Khách hàng của mình. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, Bảo Long đã và luôn sẵn sàng đồng hành cùng các nhà đầu tư Việt Nam mở rộng thị trường bảo hiểm đến với các thị trường trong khu vực như: Lào, Campuchia, Myanmar...



TÂM NHÌN

Trở thành Công ty Bảo hiểm được tin nhiệm hàng đầu tại Việt Nam



SỨ MỆNH

Luôn đồng hành và mang đến sự an tâm cho Khách hàng, đóng góp thiết thực vào sự phát triển bền vững cho cộng đồng và xã hội.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Khách hàng luôn là trọng tâm.
- Nền tảng tài chính vững chắc.
- Sản phẩm phù hợp đa dạng.
- Chất lượng dịch vụ hoàn hảo.
- Đội ngũ chính trực, chuyên nghiệp.
- Đề cao giá trị xã hội.

CÁC CAM KẾT CỦA BẢO LONG



VỚI KHÁCH HÀNG

Thấu hiểu mọi nhu cầu của Khách hàng, đưa ra giải pháp sản phẩm tối ưu, đảm bảo dịch vụ nhanh chóng, chính xác.



VỚI ĐỐI TÁC

Hợp tác lâu dài, chia sẻ cơ hội cùng phát triển



VỚI CỔ ĐÔNG

Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho Cổ đông



VỚI XÃ HỘI

Tuân thủ quy định pháp luật, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.



VỚI NHÂN VIÊN

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, năng động và chuyên nghiệp, đảm bảo chế độ đãi ngộ công bằng và tạo điều kiện phát triển cho tất cả cán bộ nhân viên.



VỚI CHÍNH MÌNH

Không ngừng phấn đấu, đổi mới và hoàn thiện.

46

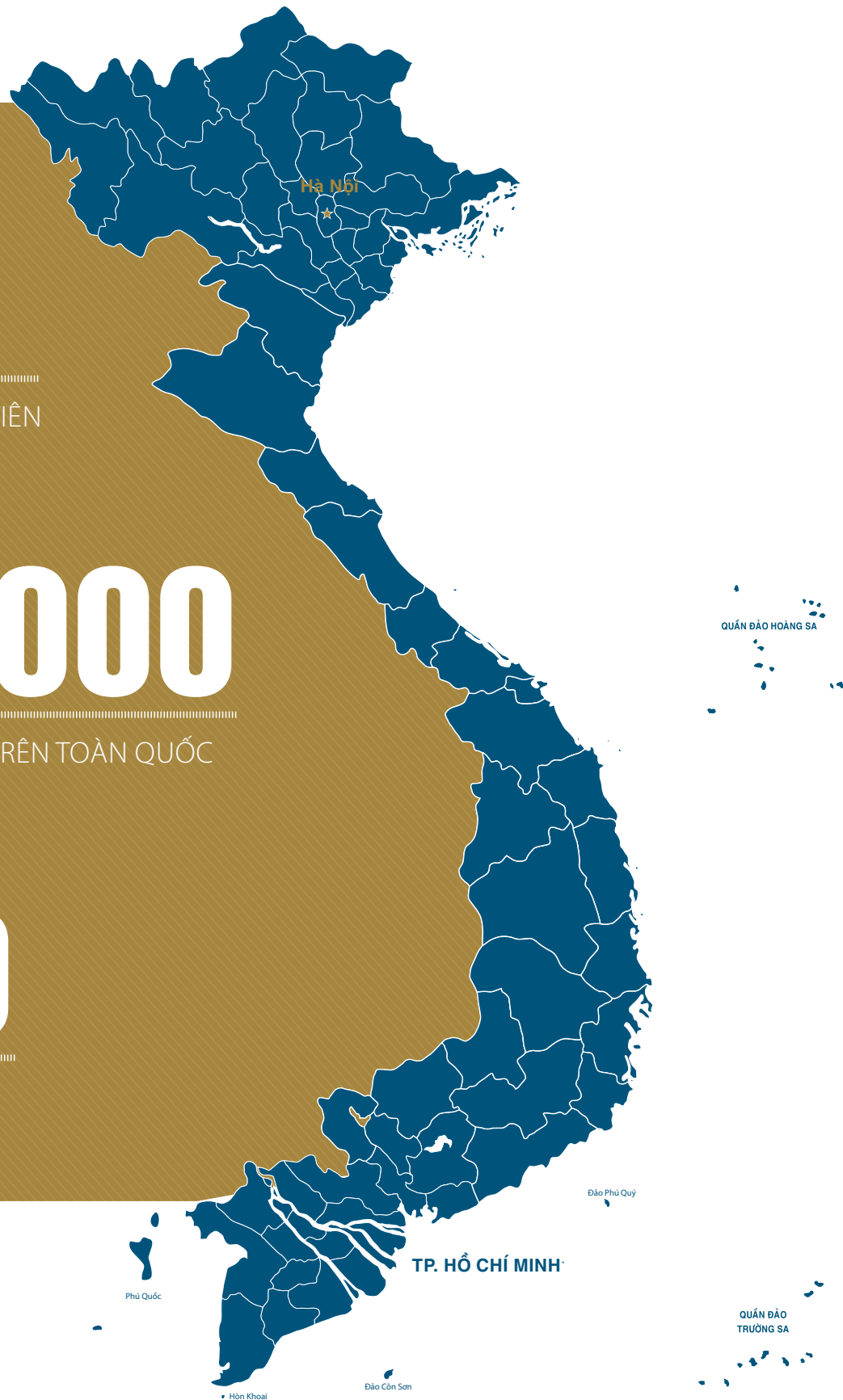
CÔNG TY THÀNH VIÊN

~1.000

ĐẠI LÝ BẢO HIỂM TRÊN TOÀN QUỐC

230

ĐIỂM GIAO DỊCH



CỔ ĐÔNG

Bảo Long vinh dự có các cổ đông là những doanh nghiệp có uy tín hoạt động trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, dịch vụ ở Việt Nam.

Hiện nay, Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) là những cổ đông lớn của Bảo Long.



ĐỐI TÁC

Trong quá trình kinh doanh bảo hiểm, Bảo Long vinh dự được cộng tác với nhiều đối tác lớn thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau:

- ❖ Kênh phân phối bảo hiểm truyền thống là các công ty môi giới hàng đầu trên thị trường như Aon, Marsh, Gras Savoye Willis, Jardine Lloyd's Thompson, Benfield...
- ❖ Kênh phân phối bảo hiểm mới như Viettel, Direct Money Company Ltd, ManuLife, MSH, Momo...
- ❖ Kênh Bancassurance: Bảo Long cộng tác với những ngân hàng hàng đầu như SCB, Eximbank, Tienphongbank, Sacombank, OCB, ACB...
- ❖ Tái bảo hiểm: Bảo Long đang cộng tác rất hiệu quả và nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các nhà Tái bảo hiểm lớn trên thế giới như CCR (Caisse Centrale de Reassurance), Swiss Re, Munich Re, ACR; Lloyd's syndicate, QBE, AIG...





1995

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG ĐƯỢC THÀNH LẬP

Ngày 11/07/1995, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long (tiền thân là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rộng) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh.

Bảo Long là Công ty Cổ phần bảo hiểm đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.

2012

ĐỔI TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NHÀ RỘNG THÀNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG.

Ngày 14/5/2012, Bộ Tài Chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rộng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

2013

MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG LÊN 19 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Năm 2013, Bảo Long đã mở rộng mạng lưới hoạt động thông qua việc thành lập thêm 06 Đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 19 đơn vị.

2014

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN LÀ CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC CỦA BẢO LONG. THÀNH LẬP THÊM 2 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Năm 2014 là năm đánh dấu một cột mốc mới của Bảo Long khi cơ cấu Cổ đông có sự thay đổi lớn. Ngày 14/04/2014, Bảo Long được Bộ Tài Chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 71GP/KDBH chấp thuận Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) là Cổ đông chiến lược của Bảo Long.

Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 2 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 21 đơn vị.

2015

CỔ PHIẾU BẢO LONG CHÍNH THỨC LÊN SÀN. TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 404 TỶ ĐỒNG. NÂNG SỐ THÀNH VIÊN LÊN 30 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Ngày 11/12/2015, hơn 40,3 triệu cổ phiếu (CP) của Bảo Long chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM, với mã chứng khoán BLI.

Cùng năm đó, Bảo Long đã kỷ niệm 20 năm thành lập, chính thức tăng vốn điều lệ lên 404 tỷ đồng, thành lập thêm 9 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 30 đơn vị, và vinh dự nhận được giải thưởng "Dịch vụ bảo hiểm tốt nhất Việt Nam 2015" do Tổ chức Global Banking and Finance Review Awards của Anh bình chọn, Thương hiệu Mạnh Việt Nam năm 2015.

2016

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 500 TỶ ĐỒNG. NÂNG SỐ THÀNH VIÊN LÊN 41 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Bảo Long tiếp tục tăng vốn điều lệ từ 404 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC9/KDBH do Bộ Tài Chính cấp, thành lập thêm 11 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 41 đơn vị.

Năm 2016, Bảo Long vinh dự được bình chọn Top 10 Công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam, Thương hiệu Mạnh Việt Nam năm 2016.

2017

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 600 TỶ ĐỒNG. NÂNG SỐ THÀNH VIÊN LÊN 46 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Ngày 07/04/2017, Bảo Long chính thức tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC18/KDBH do Bộ Tài Chính cấp. Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 05 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 46 đơn vị và tiếp tục nhận được giải thưởng Top 10 Công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam, Thương hiệu Mạnh Việt Nam 3 năm liên tiếp 2015 - 2016 - 2017.


2018

TỔNG DOANH THU ĐẠT 1.092 TỶ ĐỒNG VƯỢT CỘT MỐC 1.000 TỶ ĐỒNG

Với mục tiêu **CHUYỂN ĐỔI TOÀN DIỆN - NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU**, Bảo Long đã đạt được dấu ấn 1.092 TỶ ĐỒNG doanh thu, vượt cột mốc 1.000 tỷ đồng, đánh dấu một tầm cao mới của Bảo Long trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Đây là bước đệm quan trọng để Bảo Long hướng đến Doanh nghiệp 2.000 tỷ vào năm 2022 theo chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Năm 2018, Bảo Long tiếp tục vinh dự lọt Top 10 Công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam và Thương hiệu Mạnh Việt Nam 4 năm liên tiếp 2015 - 2016 - 2017 và 2018.

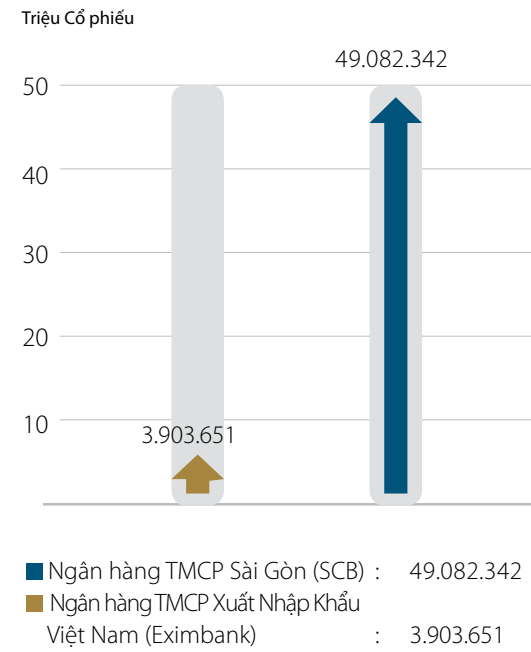


600 TỶ ĐỒNG

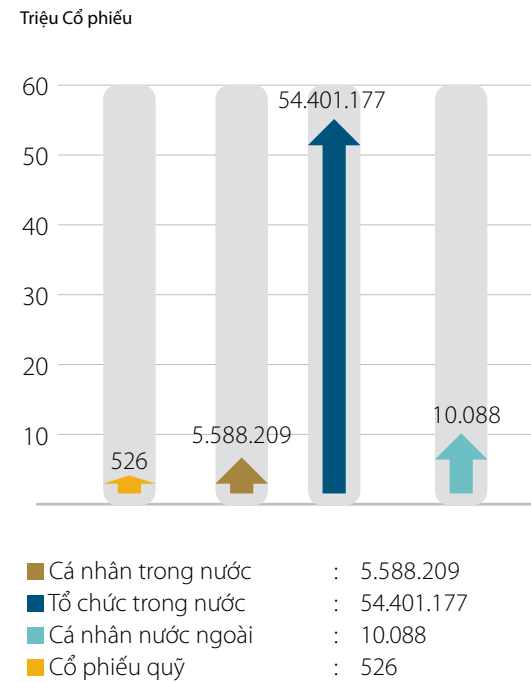
VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ của Công ty : 600.000.000.000 đồng
 Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 600.000.000.000 đồng
 Số Cổ phiếu đang lưu hành : 59.999.474 cổ phiếu
 Cổ phiếu quỹ : 526
 Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
 Số Cổ phiếu niêm yết : 60.000.000 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG LỚN (cổ phiếu)



CƠ CẤU SỞ HỮU (cổ phiếu)





16/04/2018

Trung tâm Chăm sóc Khách hàng đạt tiêu chuẩn QA, hoạt động 24/7 triển khai khắp cả nước nhằm ghi nhận và giải đáp mọi khó khăn vướng mắc của Khách hàng.



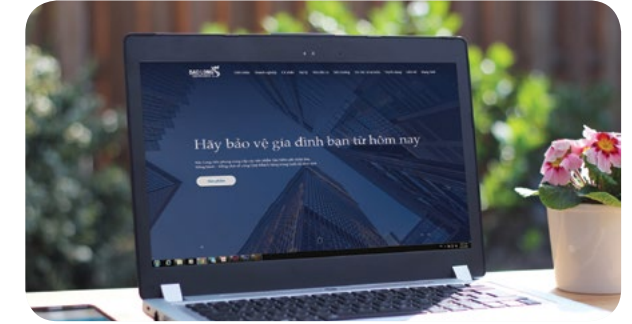
30/06/2018

Ký kết thành công Thỏa thuận hợp tác toàn diện với Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) và triển khai hợp tác trên toàn hệ thống Bao Long.



15/09/2018

Triển khai dòng sản phẩm bảo hiểm sức khỏe Bao Long Care hướng đến cung cấp giải pháp bảo vệ về sức khỏe đối với nguồn nhân lực của các doanh nghiệp.



31/12/2018

Ra mắt website mới với giao diện và nhiều chức năng hiện đại, thân thiện với người dùng.



18/05/2018

Ký kết Hợp đồng đại lý bảo hiểm với Khối Ngân hàng số - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), chính thức triển khai bán sản phẩm bảo hiểm Bảo Tâm An qua ứng dụng Yolo của VPBank.



21/07/2018

Bao Long tổ chức thành công Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2018 tại Thành phố Đà Nẵng



14/11/2018

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bao Long chính thức ký kết hợp tác chiến lược cùng Ngân hàng Bản Việt và đánh dấu cột mốc quan trọng cho chiến lược kinh doanh của cả hai bên.



2018

Đấu thầu thành công các Dự án:

- ✘ Dự án Hồ chứa nước sông Than, Xã Hòa Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận;
- ✘ Gói bảo hiểm Sức khỏe cho Lãnh đạo, CBNV và người thân Sacombank năm 2018;
- ✘ Tuyến đường sắt đô thị Hà Nội; Đường tỉnh 927C (Đoạn từ QL1 đến nam Sông Hậu), thị xã Ngã Bảy và huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, Gói thầu số 2;
- ✘ Đường tỉnh 922 (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ Quốc lộ 91B đến Cờ Đỏ), TP Cần Thơ
- ✘ Và nhiều dự án khác



28/06/2018

Bao Long vinh dự lọt "Top 10 công ty bảo hiểm uy tín năm 2018".



15/08/2018

Triển khai dòng sản phẩm bảo hiểm sức khỏe toàn diện Golden Health hướng đến cá nhân, gia đình, nhóm nhỏ với thiết kế sản phẩm linh hoạt, cung cấp thêm nhiều sự lựa chọn đến người tiêu dùng.



26/11/2018

Triển khai thành công chương trình phúc lợi Bảo hiểm kết hợp sức khỏe và tai nạn cho CBNV với nhiều Quyền lợi bảo hiểm ưu việt



GIẢI THƯỞNG

"CÚP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT NĂM 2006"
báo Sài Gòn Giải Phóng tổ chức

BẰNG KHEN

"DOANH NGHIỆP CÓ THÀNH TÍCH THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH THUẾ NĂM 2007"

BẰNG KHEN

"DOANH NGHIỆP ĐÃ CÓ NHIỀU THÀNH TÍCH ĐÓNG GÓP VÀO QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM TỪ NĂM 1999 - 2009"

TOP **20**

TOP

"SẢN PHẨM VÀNG

- DỊCH VỤ VÀNG VIỆT NAM NĂM 2012

do Cục Sở hữu Trí tuệ, Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam, Viện Sở hữu Trí tuệ, Hội Bảo vệ Người tiêu dùng bình chọn

GIẤY KHEN

"CHẤP HÀNH TỐT NGHĨA VỤ THUẾ NĂM 2014"

do Cục Thuế TP.HCM trao tặng

BẰNG KHEN CỦA BỘ TÀI CHÍNH

"ĐÃ CÓ NHIỀU THÀNH TÍCH TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM TRONG GIAI ĐOẠN TỪ 2010 ĐẾN 2015."

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN

DỊCH VỤ BẢO HIỂM TỐT NHẤT VIỆT NAM 2015
do Tạp chí Global Banking & Finance Review của Anh Quốc bình chọn

TOP **20**

TOP

THƯƠNG HIỆU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHẤT LƯỢNG CAO 2017 VỚI SẢN PHẨM BẢO HIỂM BẢO TÂM AN

Do Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ Thương hiệu Việt Nam cùng Báo Thương hiệu và Công luận phối hợp tổ chức

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN

THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM
BỐN NĂM LIÊN TIẾP 2015 - 2016 - 2017 VÀ 2018
do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn

TOP **10**

TOP

CÔNG TY BẢO HIỂM UY TÍN NHẤT VIỆT NAM BA NĂM LIÊN TIẾP 2016, 2017 VÀ 2018

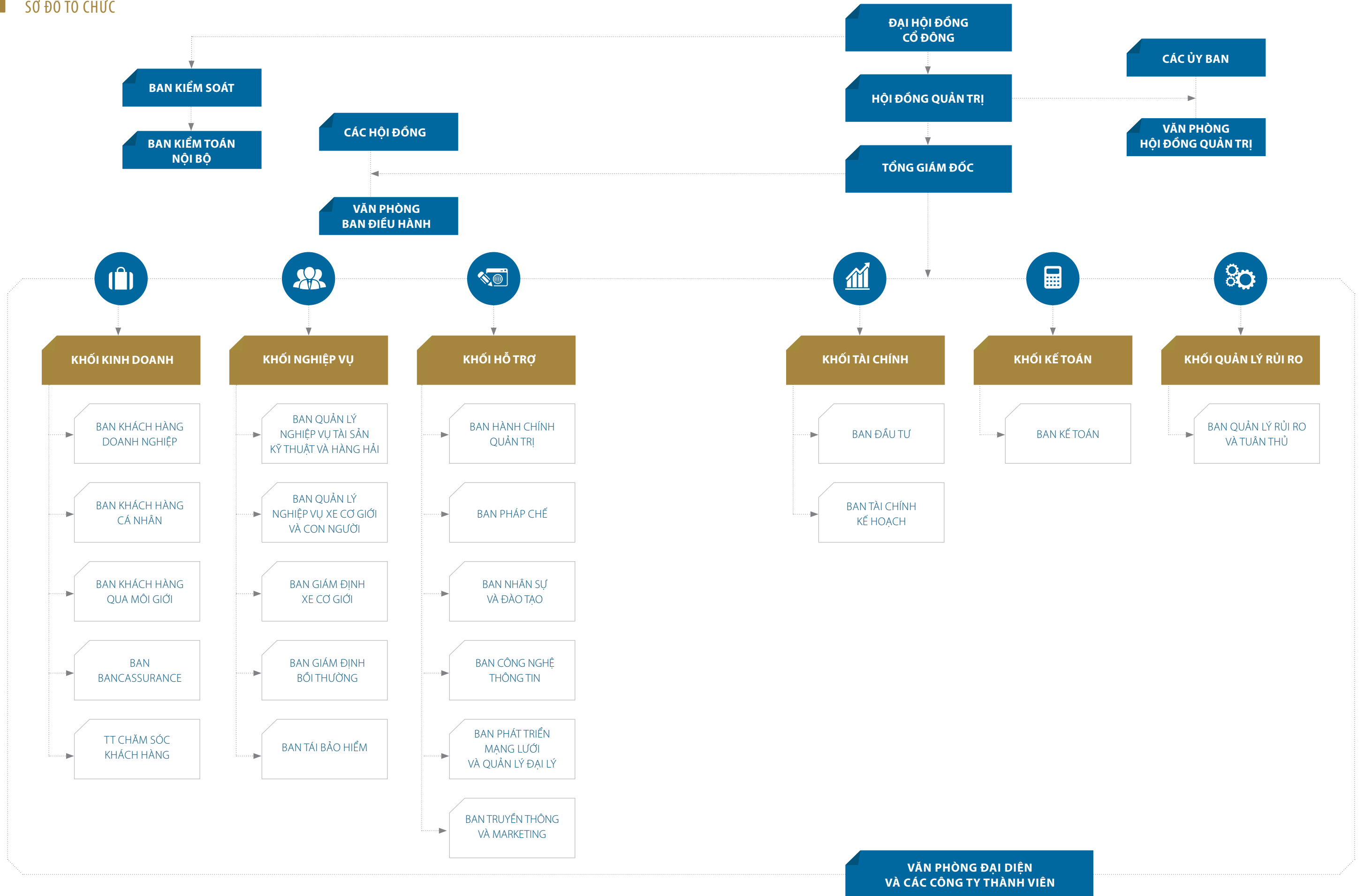
Do Vietnam Report phối hợp với Báo Vietnam Net - Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức

TOP **500**

TOP

DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM VÀ DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM NĂM 2018

do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với VietNamNet tổ chức





Ông NGUYỄN THÀNH LONG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Long tốt nghiệp Cử nhân ngành Kinh tế thương mại, tốt nghiệp khóa lý luận chính trị cao cấp tại Trường Nguyễn Ái Quốc 2.

Ông Nguyễn Thành Long nguyên là Tổng Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC), Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN (Eximbank), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC).

Hiện nay, Ông Nguyễn Thành Long đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Chủ tịch HĐQT tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).



Ông NGUYỄN VĂN HÙNG
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp Cử nhân Tài chính – Ngân hàng và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Nguyễn Văn Hùng từng làm việc tại Ngân hàng Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và giữ các trọng trách sau: Phó Giám đốc Chi nhánh An Đông, Trưởng phòng Huy động và tiền gửi tiết kiệm Hội sở, Trưởng phòng Nguồn vốn và Kinh doanh ngoại hối Hội sở, Kế toán trưởng Hội sở và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).

Hiện nay, Ông Nguyễn Văn Hùng đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông NGUYỄN HỮU TUẤN
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Tuấn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.

Ông Nguyễn Hữu Tuấn từng làm việc tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp. HCM; Phó Trưởng phòng Tư vấn, Giám đốc pháp lý và tuân thủ nội bộ Công ty CP Chứng khoán Tp. HCM; Giám đốc Tư vấn và tài chính doanh nghiệp Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sài Gòn Tourist.

Hiện nay, Ông Nguyễn Hữu Tuấn đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Phương Đông.



Ông PHAN QUỐC DŨNG
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Phan Quốc Dũng từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng Phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành của Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Minh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson.

Hiện nay, Ông Phan Quốc Dũng giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Bà PHẠM MINH CHÂM
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó TGD Điều hành

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA.

Bà Phạm Minh Châm đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm kiểm toán Khối Tài chính, Ngân hàng tại Công ty TNHH Ersnt & Young Việt Nam.

Hiện nay, Bà Phạm Minh Châm giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Ông NGUYỄN CỬU TÍNH
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Cửu Tính tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh

Ông Nguyễn Cửu Tính từng giữ nhiều chức vụ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn như Thư ký Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng, Phó Giám đốc Chi nhánh Chợ Lớn, Phó Giám đốc Chi nhánh Khánh Hòa, quyền Giám đốc Chi nhánh Củ Chi và Giám đốc Chi nhánh Gia Định.

Hiện nay, Ông Nguyễn Cửu Tính giữ chức vụ thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Giám đốc Chi nhánh Cống Quỳnh Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông ĐẶNG ĐỨC HUY
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Đức Huy tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Ông Đặng Đức Huy từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng như Senior Relationship Manager Ngân hàng HSBC, Giám đốc Khu vực KH Cá nhân Ngân hàng ANZ, Regional Head Ngân hàng Maritime, Strategy Director Ngân hàng Đông Á, Giám đốc dự án và phát triển chiến lược hợp tác kinh doanh - Giám đốc Phòng quản lý phân khúc Tập đoàn Tài chính Prudential. Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông Đặng Đức Huy giữ chức vụ thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



VỚI MỤC TIÊU TRỞ THÀNH
MỘT TRONG NHỮNG
DOANH NGHIỆP BẢO
HIỂM ĐƯỢC TÍN NHIỆM
HÀNG ĐẦU VIỆT NAM,
CÁC SẢN PHẨM DỊCH
VỤ DO BẢO LONG PHÁT
TRIỂN ĐỀU HỘI TỤ ĐẦY
ĐỦ CÁC YẾU TỐ TIN CẬY,
AN TOÀN CỦA MỘT SẢN
PHẨM BẢO HIỂM



Bà LÊ THỊ THANH BÌNH
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Bình tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh; là thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA).

Bà Lê Thị Thanh Bình từng giữ những chức vụ tại Bảo Long như: Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kiểm toán và Kiểm tra nội bộ, Giám đốc Ban Kiểm toán và Kiểm tra nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát.

Hiện nay, Bà Lê Thị Thanh Bình giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long.



Bà NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Tường Vy tốt nghiệp cử nhân Kinh tế.

Bà Nguyễn Thị Tường Vy có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng và từng giữ các chức vụ: Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng Việt Nam Tín Nghĩa; Chuyên viên cao cấp trực thuộc Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Bà Nguyễn Thị Tường Vy giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long và Phó trưởng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông VÕ HOÀNG DUY TRINH
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Võ Hoàng Duy Trinh tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng – Đại học Ngân hàng và Cử nhân Luật tổng hợp – Đại học Trà Vinh.

Ông Võ Hoàng Duy Trinh có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn và từng đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như: Phó phòng Quản lý Rủi ro Vận hành, Giám đốc Phòng Quản lý Rủi ro Vận hành tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông Võ Hoàng Duy Trinh giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long và Phó Giám đốc Phòng Đào tạo Kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông TÔN THẮT DIÊN KHOA
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Tôn Thất Diên Khoa tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế.

Ông Tôn Thất Diên Khoa từng đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng Kinh doanh Ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank).

Hiện nay, Ông Tôn Thất Diên Khoa giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Giám đốc Đầu tư Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam



Ông PHAN QUỐC DŨNG
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm
Tổng Giám đốc

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Phan Quốc Dũng từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng Phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành của Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Minh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson.

Hiện nay, Ông Phan Quốc Dũng giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Bà PHẠM MINH CHÂM
Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Giám đốc Điều hành

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA.

Bà Phạm Minh Châm đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm kiểm toán Khối Tài chính, Ngân hàng tại Công ty TNHH Ersnt & Young Việt Nam.

Hiện nay, Bà Phạm Minh Châm giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Bà NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA
Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga tốt nghiệp cử nhân Tài chính Kế toán – Trường Đại học Kinh tế TP HCM và được đào tạo bồi dưỡng Kế toán trưởng.

Bà Nga có hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Bà làm việc tại Công ty Bảo hiểm TPHCM, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Sài Gòn, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Bến Thành, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Phó Trưởng phòng Kế toán, Giám đốc Tài chính – Kế toán.

Hiện nay, Bà Nga giữ chức vụ Kế toán trưởng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Ông DƯƠNG QUANG NGỌC
Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Dương Quang Ngọc tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Ông Ngọc có hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm phi nhân thọ. Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ tại Bảo Long: Trợ lý Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản - Kỹ thuật, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Ban Dự án thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Ngọc giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đông Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Ông TRẦN THANH NAM
Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Trần Thanh Nam tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, chương trình Thạc sĩ Việt - Bỉ (MMVB2).

Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ: Giám đốc Dự án Coca-Cola Beverages Vietnam Ltd, Giám đốc Công ty TNHH XD & TM Giang Nam, Phó Giám đốc Công ty TNHH Bất Động sản Vinaland, Chánh văn phòng HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Nam giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Bến Thành thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Ông NGUYỄN NGỌC LÂN
Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Nguyễn Ngọc Lân tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh của Đại học Griggs.

Ông Nguyễn Ngọc Lân có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Lân từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Giám đốc Bảo Minh Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Giám đốc Công ty Bảo hiểm SVIC Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Nguyễn Ngọc Lân giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Bà LÊ THANH HẰNG
Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Bà Lê Thanh Hằng tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh điều hành của UBI.

Bà Lê Thanh Hằng có trên 22 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Bà từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Phó Phòng hàng hải, Trưởng phòng hàng hải, Giám đốc Ban Bảo hiểm Hàng hải – Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rộng, Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long – Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long. Ngoài ra, Bà Hằng đang là Giảng viên thỉnh giảng của trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

Hiện nay, Bà Lê Thanh Hằng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Ông ĐOÀN TRỌNG THẮNG
Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Đoàn Trọng Thắng tốt nghiệp cử nhân Tài chính – Kế toán tại trường Đại học Kinh tế.

Ông Đoàn Trọng Thắng có hơn 24 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 08 năm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Thắng từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Kế toán trưởng Trung tâm Dịch vụ – Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (Sài Gòn Ford); Trưởng phòng Kinh doanh số 5 – Hội sở Bảo Long Sài Gòn thuộc Công ty Bảo hiểm Nhà Rộng, Phó Giám đốc Hội sở Bảo Long Sài Gòn thuộc Công ty Bảo hiểm Nhà Rộng, Phó Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Bến Thành; Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Đoàn Trọng Thắng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Ông HÀ HOÀNG GIANG
Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Hà Hoàng Giang tốt nghiệp Kỹ sư ngành Máy Tàu thủy – Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Ông Hà Hoàng Giang có hơn 25 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông làm việc tại Công ty Vận tải biển Khánh Hòa, Công ty Bảo hiểm PJICO, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Kỹ sư máy tàu biển dương, Trưởng phòng Khu vực, Trưởng phòng Bảo hiểm Hàng hải, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Ông Hà Hoàng Giang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đông Phương thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2018 - 2023

TRỞ THÀNH CÔNG TY BẢO HIỂM ĐƯỢC TÍN NHIỆM HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

TIẾP TỤC NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH THÔNG QUA VIỆC GIA TĂNG TIỀM LỰC TÀI CHÍNH; CẢI TIẾN VÀ PHÁT TRIỂN DANH MỤC SẢN PHẨM, KÊNH PHÂN PHỐI; NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ ĐỂ ĐÁP ỨNG ĐƯỢC NHU CẦU NGÀY CÀNG CAO VÀ ĐA DẠNG CỦA KHÁCH HÀNG. MẶT KHÁC, TIẾP TỤC CỨNG CỐ VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NHÂN SỰ, XÂY DỰNG HÌNH ẢNH THƯƠNG HIỆU CỦA BẢO LONG TRÊN THỊ TRƯỜNG. ĐỒNG THỜI TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÁC DỰ ÁN CNTT ĐỂ BẮT KỊP XU THẾ INSURTECH TRONG THỜI ĐẠI 4.0.



Góp phần ổn định thị trường bảo hiểm, phát triển kinh tế trong nước.



Tiếp sức cho thế hệ trẻ tương lai của Đất nước có điều kiện học tập, trau dồi kiến thức thông qua các công tác từ thiện hàng năm.



Đa dạng sản phẩm bảo hiểm để tạo ra nhiều sự lựa chọn cho Khách hàng, chia sẻ rủi ro với Cộng đồng.



Chung tay xây dựng Đất nước giàu mạnh, tạo công ăn việc làm cho Người Lao động để giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tỷ lệ người nghèo.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG



Trước sự xuất hiện của các rủi ro ngày càng đa dạng, Bảo Long không ngừng nỗ lực xây dựng, hoàn thiện các giải pháp, công cụ để đo lường và giảm thiểu rủi ro. Qua đó, Bảo Long và các Công ty thành viên xác định, phân loại và đánh giá các rủi ro một cách hệ thống, đảm bảo các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả, đảm bảo sự cân bằng giữa quản lý rủi ro và tốc độ tăng trưởng.

VIỆC TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP VỪA GIÚP DOANH NGHIỆP TẠO DỰNG ĐƯỢC MỘT CÔNG CỤ HIỆU QUẢ VỪA TẠO THÊM GIÁ TRỊ MỚI VÀ BẢO TOÀN GIÁ TRỊ CHO DOANH NGHIỆP.



RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Rủi ro chiến lược của Bảo Long có thể phát sinh từ những thay đổi trong chiến lược/ chính sách của Chính phủ về ngành bảo hiểm hay các định chế tài chính và các ngành có liên quan, cũng như phát sinh từ việc Bảo Long định hướng chiến

lược không đúng đắn hoặc tập trung vào quá nhiều mục tiêu, phản ứng chậm đối với những thay đổi về xu hướng trong kinh doanh của thị trường,... Bảo Long đã và đang áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ để giảm thiểu rủi ro chiến lược.

RỦI RO VẬN HÀNH

Rủi ro bảo hiểm

Kinh doanh bảo hiểm là hoạt động kinh doanh chính yếu của Bảo Long và trong quá trình đó Bảo Long có thể gặp phải các rủi ro như: rủi ro về thiết kế, phát triển và quản lý sản phẩm, rủi ro về thẩm định và cấp đơn bảo hiểm, rủi ro về giám định bồi thường, rủi ro về giá,...

Để hạn chế rủi ro, Bảo Long luôn chủ động tăng cường hoạt động đánh giá rủi ro cũng như rà soát các điều kiện chấp nhận bảo hiểm có mức độ tác động nhỏ thông qua việc duy trì và phát triển kênh bán lẻ, kênh Bancassurance, hướng đến Khách hàng cá nhân; hạn chế các rủi ro thuộc nhóm có nguy cơ cao, tăng cường đánh giá rủi ro đối với các loại rủi ro bảo hiểm mới, phân loại các rủi ro bảo hiểm, chia sẻ các rủi ro có mức độ tác động lớn thông qua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ, cũng như hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ, nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ Cán bộ nhân viên,...

Rủi ro gian lận và trục lợi

Rủi ro gian lận và trục lợi bảo hiểm có thể phát sinh từ hành vi cố tình gian dối, lừa đảo có thể có chủ ý ngay từ khi tham gia bảo hiểm hoặc phát sinh sau khi đã xảy ra rủi ro cho đối tượng bảo hiểm nhằm chiếm đoạt tiền của Bảo Long mà đáng lý ra họ không được hưởng.

Bảo Long đang thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát, thiết lập và duy trì hoạt động hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm: quản lý rủi ro, kiểm soát tuân thủ và kiểm toán nội bộ; nâng cao trình độ nghiệp vụ của Cán bộ nhân viên, cũng như nâng cao nhận thức về pháp lý, văn hóa quản lý rủi ro,... để góp phần giảm thiểu rủi ro.

RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh từ việc không hoặc không có khả năng thu hồi được các khoản nợ từ Khách hàng tham gia bảo hiểm và các khoản đầu tư tài chính của Bảo Long tại các Đối tác (tiền gửi Ngân hàng, các công cụ tài chính khác). Bảo Long đã áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp để hạn chế rủi ro này.

Rủi ro thanh khoản

Mục tiêu của Bảo Long là đảm bảo cân đối các dòng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Bảo Long đã xây dựng và áp dụng những biện pháp phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro lãi suất

Với những biến động của thị trường tài chính trong thời gian vừa qua, Bảo Long thường xuyên rà soát để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận.

Rủi ro hiệu quả đầu tư

Rủi ro hiệu quả đầu tư phát sinh từ những sai lầm về Chiến lược đầu tư không phù hợp năng lực Bảo Long và/ hoặc tình hình thị trường hay việc tập trung quá mức đối với một công cụ tài chính riêng lẻ dẫn đến thiệt hại đối với thu nhập từ đầu tư hay thiệt hại vốn đầu tư của Bảo Long. Để kiểm soát rủi ro này, Bảo Long luôn thận trọng trong việc hoạch định chiến lược đầu tư, tái đánh giá định kỳ hiệu quả từng danh mục đầu tư, cũng như tuân thủ đầy đủ các quy định về giới hạn đầu tư theo quy định pháp luật.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Bảo Long. Đặc biệt trong tình hình hội nhập sâu rộng như hiện nay.

RỦI RO KHÁC

Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là các rủi ro phát sinh từ việc tuân thủ các quy định của pháp luật. Hiện nay, Bảo Long đang kiểm soát các rủi ro này bằng việc rà soát, cập nhật các quy định mới để có các biện pháp điều chỉnh phù hợp.

Rủi ro nhân sự

Con người là yếu tố then chốt và chủ yếu đến sự tồn tại và phát triển của Bảo Long. Rủi ro nhân sự là rủi ro phát sinh từ những sai lầm hoặc thiếu sót trong công tác Quản trị nhân sự như: tuyển dụng, đào tạo, chính sách đãi ngộ,... Bảo Long đang hướng đến việc xây dựng một môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp cùng một chính sách thu hút và duy trì nhân sự tối ưu để đảm bảo đời sống của Cán bộ nhân viên, tạo điều kiện cống hiến và phát triển bền vững tại Bảo Long nhằm góp phần hạn chế rủi ro này.

02. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

ĐỒNG TÂM PHÁT HUY SỨC MẠNH

Trước những khó khăn, thách thức của thị trường tài chính nói chung và sự cạnh tranh gay gắt của các Doanh nghiệp bảo hiểm nói riêng, Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBNV Bảo Long không ngừng nỗ lực, hoàn thiện chính mình để phục vụ tốt hơn mọi nhu cầu của Khách hàng. Thành công của Bảo Long chính là ngày càng nhiều sự tin tưởng lựa chọn sử dụng sản phẩm và sự hài lòng của Khách hàng khi sử dụng dịch vụ của Bảo Long. Đó chính là nền tảng cho sự gắn kết lâu dài.





1.092
TỶ ĐỒNG

**TỔNG DOANH THU
PHÍ BẢO HIỂM
TRONG NĂM 2018**
↗15% SO VỚI NĂM 2017

NĂM 2018 LÀ NĂM ĐẦU TIÊN CỦA CHIẾN LƯỢC 5 NĂM (2018-2023) VÀ CŨNG LÀ NĂM MÀ BẢO LONG ĐÃ ĐÁNH DẤU MỘT CỘT MỐC MỚI TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KHI ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU 1.000 TỶ ĐỒNG DOANH THU, ĐIỀU NÀY ĐÃ GHI DẤU MỘT TẦM CAO MỚI CỦA BẢO LONG TRÊN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM. KẾT QUẢ NÀY LÀ TIỀN ĐỀ CHO BẢO LONG TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN VỚI MỤC TIÊU "**NĂNG ĐỘNG TIÊN PHONG - NÂNG TẦM CAO MỚI**" VÀO NĂM 2019.

VỚI TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM CỦA TOÀN THỊ TRƯỜNG ƯỚC ĐẠT 23% SO VỚI NĂM 2017, THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM NĂM 2018 TIẾP TỤC CÓ BƯỚC PHÁT TRIỂN VỮNG CHẮC, TẠO NỀN TẢNG QUAN TRỌNG ĐỂ BƯỚC VÀO CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0.

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ TRONG NĂM 2018

Năm 2018, tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm của toàn thị trường ước đạt 23% so với năm 2017, tổng doanh thu bảo hiểm ước đạt 151.001 tỷ đồng. Như vậy, đây là năm thứ 8 liên tiếp thị trường tiếp tục duy trì mức tăng trưởng trên 2%. Với việc doanh thu toàn thị trường bảo hiểm Việt Nam năm 2018 tăng trưởng cao hơn năm 2017, đã góp phần đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm ngày càng tăng của nền kinh tế và xã hội.

Theo Bộ Tài chính, kết thúc năm 2018, theo ước tính, tổng tài sản của các doanh nghiệp bảo hiểm đạt 390.717 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2017. Tổng số tiền đầu tư ước đạt 324.644 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2017. Tổng dự phòng nghiệp vụ ước đạt 247.500 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2017. Tổng nguồn vốn chủ sở hữu ước đạt 82.584 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2017. Tổng doanh thu bảo hiểm ước đạt 151.001 tỷ đồng.

Trong năm 2018, toàn ngành Bảo hiểm đã chi trả quyền lợi bảo hiểm ước đạt 36.415 tỷ đồng, trong đó, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 17.765 tỷ đồng, các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ước đạt 18.650 tỷ đồng. Tổng phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới năm 2018 ước đạt 9.654 tỷ đồng, tăng 11,4% so với năm trước.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, cũng như sự phát triển của công nghệ 4.0, thị trường bảo hiểm đặt ra những yêu cầu để tiếp tục phát triển trong bối cảnh mới. Trong bối cảnh đó, theo các chuyên gia kinh tế, các doanh nghiệp bảo hiểm cần có chuẩn bị kỹ lưỡng về công nghệ, nguồn lực tài chính, nguồn nhân lực để nắm bắt thời cơ và vào cuộc một cách mạnh mẽ trước xu hướng của cuộc cách mạng số mà dự báo sẽ làm thay đổi, tác động rất nhiều đến các lĩnh vực kinh tế xã hội.

TRIỂN VỌNG NGÀNH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VIỆT NAM NĂM 2019

TRONG NĂM 2018 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA KHỐI DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VẪN GHI NHẬN NHỮNG CON SỐ KHẢ QUAN. KHỐI PHI NHÂN THỌ ĐANG ĐẨY MẠNH KÊNH BANCASSURANCE VÀ BÁN HÀNG TRỰC TUYẾN NHẪM TĂNG DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG BÁN LẺ.

Để tiếp tục thúc đẩy sự phát triển của thị trường Bảo hiểm trong năm 2019, đại diện cơ quan quản lý về Bảo hiểm cho biết, sẽ thực hiện đồng bộ các giải pháp, bao gồm giải pháp chung cho cả thị trường Bảo hiểm và các giải pháp riêng đối với lĩnh vực Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm phi nhân thọ... Theo đó, cơ quan này sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý cho thị trường Bảo hiểm. Trong quý I/2019, Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh Bảo hiểm; đồng thời

xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng quản lý trên cơ sở rủi ro, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, tăng cường tính chủ động và chịu trách nhiệm của các DN Bảo hiểm trong hoạt động kinh doanh.

Lĩnh vực Bảo hiểm phi nhân thọ sẽ được nâng cao tính an toàn hệ thống, năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Bảo hiểm; nâng cao tính tuân thủ và tăng cường hợp tác trong hoạt động kinh doanh Bảo hiểm. Đồng thời, có cơ chế chính sách để phát

triển các sản phẩm có ý nghĩa cộng đồng và an sinh xã hội cao..., đảm bảo thị trường tăng trưởng hiệu quả, bền vững, đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế, xã hội.

Cùng với áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng nhanh việc xây dựng các sản phẩm mới, cải tiến các kênh phân phối theo hướng hiện đại và kiểm soát chặt chẽ hoạt động bồi thường, tập trung phát triển kênh bán lẻ, nhất là bancassurance - cũng là mục tiêu quan trọng trong năm 2019.

Xác định năm 2019 vẫn sẽ là một năm đầy thách thức, ngành Bảo hiểm phi nhân thọ dự kiến duy trì tốc độ tăng trưởng trên 10%, trong đó nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới và chăm sóc sức khỏe vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Năm 2019 cũng được dự báo là năm bùng nổ của các ứng dụng mua bảo hiểm mới, những sản phẩm đơn giản để mua, tạo nên xu hướng tiêu dùng khác biệt cho khách hàng.

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	KH 2018 triệu đồng	%	TH 2018 triệu đồng	%	HTKH %
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM					
- Doanh thu phí bảo hiểm	1.088.000	100,0%	1.092.005	100,0%	100,4%
- Chi phí trích lập dự phòng phí	33.021	3,0%	40.584	3,7%	122,9%
- Chi bồi thường (bao gồm trích lập DPBT)	(406.424)	-37,4%	(433.570)	-39,7%	106,7%
- Chi phí tái bảo hiểm	(204.669)	-18,8%	(191.253)	-17,5%	93,4%
- Chi phí hoa hồng bảo hiểm	(114.775)	-10,5%	(81.810)	-7,5%	71,3%
- Chi phí bán hàng	(337.376)	-31,0%	(368.583)	-33,8%	109,3%
- Chi phí khác hoạt động KDBH	(10.347)	-1,0%	(18.351)	-1,7%	177,4%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động KDBH	47.430	4,4%	39.022	3,6%	82,3%
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH					
- Doanh thu	100.382	100,0%	107.872	100,0%	107,5%
- Chi phí	(10.221)	-10,2%	(21.781)	-20,2%	213,1%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động ĐTTC	90.161	89,8%	86.091	79,8%	95,5%
Thu nhập từ hoạt động khác	(12)	0,0%	7.638	0,7%	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(89.275)	-8,2%	(83.451)	-7,6%	93,5%
Tổng LN kinh doanh trước thuế	48.304	4,4%	49.300	4,5%	102,1%

QUY MÔ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	KH 2018 triệu đồng	TH 2018 triệu đồng	HTKH %
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	577.570	567.381	98,2%
Vốn chủ sở hữu (*)	668.521	666.538	99,7%
Danh mục đầu tư	987.354	981.445	99,4%
Tổng tài sản	1.900.000	1.821.632	95,9%

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

DOANH THU TỪ PHÍ BẢO HIỂM

Năm 2018, doanh thu từ phí bảo hiểm đạt 1.092.005 triệu đồng, tăng trưởng 15% so với năm 2017, hoàn thành 100,4% kế hoạch đề ra.

CHI PHÍ BỒI THƯỜNG

Tổng thể, tỷ lệ bồi thường (gốc và nhận tái) bao gồm tăng giảm ước bồi thường là 42,2%.

Trong đó, chi phí bồi thường bảo hiểm gốc (bao gồm thu đòi người thứ 3 và tăng/giảm ước bồi thường) là 405.431 triệu đồng tương ứng tỷ lệ bồi thường là 42,5%, giảm so với năm 2017 (43%).

Tỷ lệ bồi thường hoạt động nhận tái năm 2018 là 38%, giảm mạnh so với tỷ lệ bồi thường cùng kỳ năm 2017 (tỷ lệ bồi thường năm 2017 là 100%).

CHI PHÍ HOA HỒNG, CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ KHÁC HĐKDBH TẠI ĐƠN VỊ KINH DOANH

Tổng chi phí hoa hồng, bán hàng và quản lý, chi phí khác (chi phí dự phòng dao động lớn và chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) cho mục đích kinh doanh trực tiếp tại các đơn vị kinh doanh phát sinh trong năm 2018 là 468.744 triệu đồng (42,9% doanh thu), tương đương so với dự kiến 462.498 triệu đồng (42,5% doanh thu).

1.092
TỶ ĐỒNG

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM
TRONG NĂM 2018
↗15% SO VỚI NĂM 2017

42%

TỶ LỆ BỒI THƯỜNG
(GỐC VÀ NHẬN TÁI)



KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2018

NHÓM 1 - KÊNH PHÂN PHỐI (tiếp theo)

1 Bancassurance

Về mặt doanh thu, năm 2018, doanh thu khai thác thông qua Ban Bancassurance đã hoàn thành 113% kế hoạch doanh thu Bancassurance toàn hệ thống, tăng trưởng 36% so với cùng kỳ năm trước.

Về mạng lưới ngân hàng liên kết, năm 2018, Ban Bancassurance đã thực hiện tăng cường mở rộng và củng cố mạng lưới ngân hàng liên kết, cụ thể như sau:

- ✘ Ký kết thành công hợp đồng và triển khai hợp tác với các đối tác mới: NCB, Khối Digital Banking - VPBank, OCB, VCCB.
- ✘ Tiếp tục xúc tiến hợp tác với các ngân hàng: HDBank, Kiên Long Bank, Seabank.
- ✘ Nâng cao mức độ hợp tác: SCB, TPB, Sacombank, OCB.

Thông qua mạng lưới ngân hàng liên kết, doanh thu Bancassurance đang trên đà tăng trưởng ổn định. Trong đó, SCB, TPBank, Sacombank và OCB là 04 Ngân hàng chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất đạt 53,7%.

2 Môi giới

Trong năm 2018, kênh Môi giới hoàn thành 118% kế hoạch đề ra, tăng trưởng 69% so với cùng kỳ năm trước.

Đặc biệt, Kênh Môi giới đã tiếp cận thành công với một số khách hàng lớn mang lại nguồn doanh thu đáng kể trong năm 2018. Ngoài ra các dịch vụ lớn đã triển khai trong năm 2017 vẫn được duy trì và phát triển: BH trách nhiệm với các ngân hàng, BH sức khỏe qua MSH.

3 Mobilassurane

Trong năm 2018, doanh thu kênh Mobilassurane hoàn thành 103% so với kế hoạch doanh thu đề ra.

4 Online

Trong năm 2018, kênh Online đi vào khai thác & đã mang lại doanh thu bước đầu cho Bảo Long. Hiện tại, kênh khai thác này đang được hoàn thiện cũng như tích hợp thêm nhiều công nghệ để đẩy mạnh phát triển và tăng trưởng doanh thu.



NHÓM 2 - SẢN PHẨM

Hệ thống sản phẩm vẫn thường xuyên được nâng cấp và phù hợp hơn với thị trường. Cụ thể:

- ✘ Cải tiến các sản phẩm hiện hữu: Xe cơ giới, Du lịch, An tâm tín dụng.
- ✘ Hoàn tất hệ thống TPA và direct billing cho sản phẩm sức khỏe.
- ✘ Giới thiệu dòng sản phẩm sức khỏe dành cho Doanh nghiệp (Bảo Long Care)
- ✘ Giới thiệu đến người tiêu dùng là Khách hàng Cá nhân, các Gia đình, các Nhóm mua chung dòng sản phẩm chăm sóc sức khỏe toàn diện (Golden Health)
- ✘ Cải tiến dòng sản phẩm Du lịch dành cho Cá nhân và Doanh nghiệp, đưa đến nhiều sự lựa chọn hơn về sự bảo vệ khi du lịch nước ngoài (Golden Travel)

NHÓM 3 - NGUỒN NHÂN LỰC

Từ đầu năm 2018, Bảo Long đã chính thức triển khai quy định phân phối và chi lương cho các đơn vị thành viên. Qua đó, các vị trí quản lý chủ chốt tại các Đơn vị thành viên đang được chi trả lương từ nguồn lương Tổng Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện được nhiều nội dung như triển khai được việc tính KPI cho từng cá nhân của Trụ sở chính và đối tượng quản lý tại Đơn vị thành viên.

Định kỳ hàng tháng, Bảo Long thực hiện triển khai các khóa đào tạo trực tuyến E-learning đến các CBNV nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn & nắm bắt kịp thời quy định, quy trình của Công ty. Mỗi cán bộ nhân viên của Bảo Long đều được biết yêu cầu công việc, cách tính KPI cũng như cơ chế lương áp dụng cho vị trí của mình đang đảm nhiệm từ những tháng đầu năm. Khung văn hóa doanh nghiệp cũng đã được giới thiệu trên toàn hệ thống.



KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2018 (tiếp theo)

NHÓM 4 – THƯƠNG HIỆU

Về bộ nhận diện thương hiệu, Bảo Long đang trong quá trình thực hiện các phương án hiệu chuẩn logo và thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu.

Về truyền thông, trong năm Bảo Long đã thực hiện:

- ❑ Quảng bá tại các kênh truyền thống: Quảng bá tại các kênh truyền thống bao gồm báo giấy, các sự kiện quy mô,...
- ❑ Quảng bá tại các kênh truyền thông điện tử

- ❑ Hoàn thiện các tài liệu truyền thông.
- ❑ Hoàn thành đổi mới platform website Tổng CTCP Bảo hiểm Bảo Long <http://baolonginsurance.com.vn>.

Ngoài ra Bảo Long đã đạt được nhiều giải thưởng trong năm 2018: Thương hiệu mạnh Việt Nam (bốn năm liên tiếp 2015 - 2016 - 2017 - 2018), Top 10 công ty bảo hiểm uy tín Việt Nam (ba năm liên tiếp 2016 - 2017 - 2018), Top 20 Thương hiệu Mạnh phát triển bền vững - sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao VN.



NHÓM 5 – QUY TRÌNH KINH DOANH

Nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng quản lý rủi ro của Bảo Long, trong năm 2018, Bảo Long đã ban hành nhiều quy định chấn chỉnh quy trình khai thác, bồi thường:

- ❑ Hoàn tất các quy trình hỗ trợ bán hàng: Hoàn thiện vận hành hệ thống Call Center (bao gồm tư vấn, giải đáp nhu cầu của KH, điều phối việc khai báo tai nạn cho toàn hệ thống...)
- ❑ Hoàn tất triển khai mô hình Nhập liệu tập trung để chuẩn hóa dữ liệu đầu vào.
- ❑ Triển khai chính thức quy định về quản lý hóa đơn ấn chỉ, quy định chặt chẽ về thủ tục cấp phát, công tác quyết toán định kỳ và nâng cao khả năng quản lý đến từng khai thác viên..
- ❑ Ban hành quy định về việc kiểm soát thu phí và thực hiện kiểm soát ngay trên hệ thống, giảm rủi ro trực lợi bảo hiểm.

Hoàn tất quy trình giám định bồi thường từ lúc tiếp nhận đến giải quyết hoàn tất nhằm tăng cường khả năng hỗ trợ bồi thường cho nghiệp vụ vật chất xe và kiểm soát chi phí bồi thường, bao gồm: hệ thống giám định xe cơ giới, cơ sở dữ liệu giá sửa chữa và phụ tùng xe cơ giới, ký hợp đồng liên kết các Gara trên toàn quốc.

NHÓM 6 - NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Theo kế hoạch, năm 2018 Bảo Long thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 600 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng. Tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá lại tình hình thực tế trong ngắn hạn: thanh khoản, hệ số an toàn vốn của Bảo Long vẫn ở mức rất an toàn, các sản phẩm đòi hỏi nhu cầu vốn lớn như hàng không, năng lượng chưa triển khai được như dự kiến, Bảo Long tạm thời hoãn lại kế hoạch tăng vốn điều lệ như đã đề ra.

Dự kiến, việc tăng vốn điều lệ thêm 100 tỷ đồng sẽ được tái khởi động lại phù hợp với tình hình thực tế triển khai các sản phẩm hàng không và năng lượng.

Bên cạnh đó, theo chiến lược 5 năm, Bảo Long vẫn đang làm việc và tiếp xúc với một số nhà đầu tư trong và ngoài nước để thực hiện việc tăng vốn lên 1.000 tỷ đồng vào cuối năm 2022.

NHÓM 7 - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Để đáp ứng yêu cầu kinh doanh của cả hệ thống, hệ thống CNTT luôn hỗ trợ kịp thời cho các ban Trụ sở chính và đơn vị thành viên. Trong năm 2018, Bảo Long đã hoàn thành một số dự án:

- ❑ Website bán hàng online ngân hàng Sacombank, VPB;
- ❑ Hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning;
- ❑ Hệ thống báo cáo tự động Dashboard.

Ngoài ra, một số dự án đang tiếp tục được triển khai trong năm 2019 như:

- ❑ Cấp đơn online cho các sản phẩm Hàng hải, Xe cơ giới, Bảo Tâm An;
- ❑ Ứng dụng phân hệ giám định bồi thường online trên điện thoại di động;
- ❑ Hệ thống cơ sở dữ liệu giá sửa chữa và phụ tùng xe cơ giới.

NHÓM 8 – QUẢN LÝ RỦI RO

Năm 2018, Bảo Long đã hoàn tất việc ban hành Quy chế Khung quản lý rủi ro và đang hoàn thiện chiến lược quản lý rủi ro của Công ty trong giai đoạn 5 năm từ 2018-2022.

Ngoài ra, Bảo Long cũng đã thực hiện các quy định tăng cường quản lý rủi ro hoạt động:

- ❑ Áp dụng quy trình quản lý ấn chỉ mới và từng bước điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh của các Đơn vị;
- ❑ Rà soát các nghiệp vụ rủi ro như bảo hiểm học sinh, sinh viên;
- ❑ Tiếp tục thực hiện cập nhật dữ liệu khách hàng trên hệ thống;
- ❑ Kiểm tra liên tục tình hình bồi thường tại các đơn vị và ban hành các quy định về kiểm soát bồi thường xe cơ giới, thực hiện xử lý đối với các đơn vị có tỷ lệ bồi thường cao nhằm kéo giảm tỷ lệ bồi thường toàn hệ thống;
- ❑ Kiểm soát thường xuyên các đơn vị thành viên nhằm hạn chế tình trạng khai thác, bồi thường sai quy định;
- ❑ Hoàn thành điều chỉnh các quy trình kinh doanh.



65%

LAO ĐỘNG
CÓ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
& SAU ĐẠI HỌC

20,5%

LAO ĐỘNG
CÓ KINH NGHIỆM BẢO HIỂM
TRÊN 10 NĂM

Chế độ lương, thưởng của Bảo Long cạnh tranh, gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng công việc của mỗi cá nhân khi thực hiện công việc. Bên cạnh đó, Bảo Long cũng quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của Người lao động thể hiện qua các chính sách phúc lợi như: chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ cho CBNV, tổ chức cho CBNV nghỉ mát hàng năm, trang bị bảo hiểm kết hợp sức khỏe và tai nạn, bảo hiểm xe máy cho CBNV hàng năm, tặng quà hiện kim cho CBNV nhân ngày sinh nhật, các ngày Lễ trong năm...

BẢO LONG XEM CON NGƯỜI LÀ YẾU TỐ THEN CHỐT TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, LUÔN CHÚ TRỌNG XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI CÁC CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI HẤP DẪN, TẠO MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THÂN THIỆN, CẠNH TRANH CHO NHÂN VIÊN.

989
NHÂN VIÊN
TỔNG SỐ CBNV
TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2018



SẢN PHẨM

Hệ thống sản phẩm đa dạng và ưu việt, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng

KÊNH PHÂN PHỐI

Mở rộng và đa dạng hóa mạng lưới phân phối sản phẩm là động lực để tăng trưởng doanh số và thị phần

NGUỒN NHÂN LỰC

Nâng cao năng lực và sự gắn kết của đội ngũ nhân viên

THƯƠNG HIỆU

Nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu tại thị trường Việt Nam

CÔNG NGHỆ

Áp dụng những tiến bộ của công nghệ để tạo ra động lực và cơ hội phát triển cho toàn hệ thống

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Mở rộng quy mô nguồn vốn chủ sở hữu và tăng cường quản lý chất lượng tài sản

QUY TRÌNH KINH DOANH

Cải tiến quy trình kinh doanh đáp ứng được yêu cầu của khách hàng cũng như nhu cầu quản trị nội bộ

QUẢN LÝ RỦI RO

Xây dựng được ERM phù hợp với sự phát triển của hệ thống và thách thức của thị trường

NĂNG ĐỘNG,
TIÊN PHONG
**NÂNG TẦM
CAO MỚI**



TRÊN CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ VỊ THẾ HIỆN TẠI CỦA BẢO LONG TRÊN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM CŨNG NHƯ NHẬN ĐỊNH NHỮNG CƠ HỘI - THÁCH THỨC CỦA MÔI TRƯỜNG KINH DOANH ĐEM LẠI, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 PHẢI PHÁT HUY ĐƯỢC NHỮNG THẾ MẠNH SẴN CÓ, TẬN DỤNG NHỮNG CƠ HỘI VÀ KHẮC PHỤC ĐƯỢC NHỮNG ĐIỂM YẾU NỘI TẠI ĐỂ TIẾP TỤC BỨC PHÁ TRONG NĂM 2019, HƯỚNG ĐẾN VIỆC HOÀN THÀNH CHIẾN LƯỢC 5 NĂM (2018 - 2023).

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2019

Các chỉ tiêu tài chính kế hoạch của Bảo Long năm 2019 được trình bày trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	TH 2018		KH 2019		% tăng trưởng
	VND	%	VND	%	
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM					
Doanh thu phí bảo hiểm	1.092.005	100,0%	1.270.000	100,0%	16,3%
Chi phí trích lập dự phòng phí	40.584	3,7%	(50.605)	-4,0%	-224,7%
Chi phí bồi thường	(433.570)	-39,7%	(491.583)	-38,7%	13,4%
Chi phí tái bảo hiểm	(191.253)	-17,5%	(118.871)	-9,4%	-37,8%
Chi phí hoa hồng bảo hiểm	(81.810)	-7,5%	(149.434)	-11,8%	82,7%
Chi phí bán hàng	(368.583)	-33,8%	(378.968)	-29,8%	2,8%
Chi phí khác hoạt động KDBH	(18.351)	-1,7%	(14.176)	-1,1%	-22,7%
LN gộp từ hoạt động kinh KDBH	39.022	3,6%	66.363	5,2%	70,1%
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH					
Doanh thu	107.872	100,0%	86.086	100,0%	-20,2%
Chi phí	(21.781)	-20,2%	(10.339)	-12,0%	-52,5%
LN gộp từ hoạt động ĐTTC	86.091	79,8%	75.747	88,0%	-12,0%
Thu nhập từ hoạt động khác	7.638	7,1%	(8)	0,0%	-100,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(83.451)	-7,6%	(103.513)	-8,2%	24,0%
Tổng LN trước thuế	49.300	4,5%	38.589	3,0%	-21,7%

Quy mô tài sản và nguồn vốn

Chỉ tiêu	TH 2018 triệu đồng	KH 2019 triệu đồng	% Tăng trưởng
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	567.381	601.954	5,7%
Vốn chủ sở hữu	666.538	694.534	4,2%
Danh mục đầu tư	981.445	1.015.768	3,5%
Tổng tài sản	1.821.632	2.100.000	14,7%

03. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SẼ CHIA THƯƠNG HIỆU NHÂN VĂN

Hướng về cộng đồng là nét đẹp trong văn hóa Bảo Long. Tập thể CBNV Bảo Long luôn sẽ chia với tinh thần trách nhiệm cao, vì sự phát triển của cộng đồng và xã hội



TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NÓI CHUNG VÀ BẢO LONG NÓI RIÊNG THÌ BA YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP LÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG, ĐÓNG GÓP CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG. TRONG NHỮNG YẾU TỐ ĐÓ THÌ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP LÀ YẾU TỐ CỐT LÕI.

Nhận biết được tầm quan trọng của Quản trị Doanh nghiệp, trong thời gian qua, Bảo Long luôn rà soát và điều chỉnh mô hình hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và tiếp cận các chuẩn mực Quốc tế để kiện toàn bộ máy hoạt động, đảm bảo tính minh bạch trong việc quản lý, điều hành, phân cấp, ủy quyền và các nguyên tắc về kiểm tra, kiểm soát... từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Song song đó, Bảo Long cũng đã ban hành một hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của mình một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của Cổ đông và hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm Khách hàng, Người Lao động và Cộng đồng.



BẢO LONG LUÔN HOẠT ĐỘNG TRÊN TINH THẦN THƯỢNG TÔN PHÁP LUẬT.

ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Bảo Long luôn hoạt động trên tinh thần thượng tôn pháp luật. Với tôn chỉ đó, Bảo Long xác định việc tuân thủ quy định của Nhà nước, đồng thời xây dựng các cơ hội trao đổi hợp tác giữa Bảo Long và các Cơ quan ban ngành sẽ hỗ trợ tích cực cho sự phát triển bền vững. Bảo Long đã, đang và sẽ thường xuyên cập nhật thông tin và đóng góp ý kiến thông qua Hiệp Hội Bảo Hiểm; cử Cán bộ nhân viên tham gia các Hội thảo chuyên ngành về bảo hiểm, Hội thảo liên quan tới phổ biến những sửa đổi, bổ sung về chính sách, pháp luật bảo hiểm của Nhà nước,... để tăng cường trao đổi cũng như đưa ra những ý kiến đóng góp mang tính thiết thực và hỗ trợ cho sự phát triển của Bảo Long nói riêng và của toàn ngành bảo hiểm nói chung.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

Năm 2018 Bảo Long tiếp tục tập trung xây dựng Thương hiệu uy tín đi đôi với việc tạo dựng niềm tin bền vững với Nhà đầu tư, Cổ đông:

PHÁT TRIỂN HIỆU QUẢ, GIA TĂNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN

- Thực hiện Quản trị Công ty tốt để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Bảo toàn và gia tăng giá trị tài sản, bao gồm Tài sản hữu hình và Tài sản vô hình của Doanh nghiệp, qua đó gia tăng giá trị Cổ đông

TẠO DỰNG KÊNH TRUYỀN THÔNG, ĐỐI THOẠI MỞ

- Tạo lập và duy trì các kênh thông tin hiệu quả cho Nhà đầu tư, Cổ đông có thể tiếp cận dễ dàng...Nâng cao các kênh đối thoại mở và liên tục với các bên liên quan để chuyển tải hiệu quả, kịp thời các chiến lược mang lại giá trị cho Nhà đầu tư, Cổ đông.

MINH BẠCH THÔNG TIN TÀI CHÍNH

- Minh bạch số liệu tài chính, hiệu quả kinh doanh tạo nguồn thông tin chính xác cho các Nhà đầu tư, Cổ đông có nhu cầu đầu tư vào Bảo Long. Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho Cổ đông.



ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

VỚI PHƯƠNG CHÂM "ĐỒNG HÀNH, ĐỒNG CHIA SẺ" BẢO LONG KHÔNG NGỪNG CẢI TIẾN ĐỂ MANG LẠI DỊCH VỤ TỐT NHẤT CHO CÁC KHÁCH HÀNG.

Bảo Long cam kết mang đến cho Khách hàng những sản phẩm phù hợp và dịch vụ nhanh chóng, kịp thời thông qua hệ thống phân phối đa dạng, trải rộng như qua kênh Bancassurance, kênh Môi giới, Mobilassurance...Đặc biệt là dịch vụ bồi thường nhanh chóng và chính xác. Ngoài ra, Bảo Long liên tục nâng cấp mạng lưới chăm sóc Khách hàng và Trung tâm chăm sóc Khách hàng tập trung (call center) hỗ trợ 24/7.

Với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, các dịch vụ sau khi xảy ra tổn thất cần được giải quyết nhanh chóng để đảm bảo lợi ích cao nhất cho Khách hàng. Đến nay, Bảo Long đã hoàn thiện việc xây dựng hệ thống Giám định ngành dọc và đi vào hoạt động. Bên cạnh đó, Bảo Long luôn rà soát và cải tiến các quy trình giám định – bồi thường theo hướng nhanh gọn và hiệu quả, nhằm giảm bớt thủ tục hành chính, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

"CON NGƯỜI LÀ TÀI SẢN VÔ GIÁ", GÓP PHẦN HIỆU QUẢ VÀO KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA BẢO LONG

Đối với Bảo Long, "Con người là tài sản vô giá". Chế độ đãi ngộ với mức lương hấp dẫn, Bảo Long luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh, để tập thể cán bộ nhân viên Bảo Long phát huy hết khả năng, góp phần hiệu quả vào kết quả hoạt động kinh doanh của Bảo Long.

Bảo Long cam kết đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách lương, thưởng, phúc lợi cho Người Lao động theo quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước.

NGOÀI VIỆC ĐẢM BẢO CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG, CÁC CBCNV LUÔN ĐƯỢC CHÚ TRỌNG. HÀNG NĂM, CÔNG TY TỔ CHỨC ĐỢT ĐI DU LỊCH NƯỚC NGOÀI DÀNH CHO CBNV XUẤT SẮC. ĐÂY LÀ MỘT SỰ GHI NHẬN NỖ LỰC HẾT MÌNH CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÌ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA BẢO LONG.



Đoàn CBNV Xuất sắc Bảo Long tham quan Nhật Bản 2018



Đoàn CBNV Xuất sắc Bảo Long tham quan Nhật Bản 2018



Đoàn CBNV Xuất sắc Bảo Long tham quan nước Úc 2019



Đoàn CBNV Xuất sắc Bảo Long tham quan Nhật Bản 2018



Đoàn CBNV Xuất sắc Bảo Long tham quan nước Úc 2019



Đoàn CBNV Xuất sắc Bảo Long tham quan nước Úc 2019

LÀ MỘT DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ, CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BẢO LONG TÁC ĐỘNG KHÔNG ĐÁNG KỂ ĐẾN MÔI TRƯỜNG. NHẪM GÓP PHẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XANH SẠCH, TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BẢO LONG LUÔN QUAN TÂM ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ VẬN HÀNH TÒA NHÀ: AN NINH TRẬT TỰ, BẢO TRÌ HỆ THỐNG KỸ THUẬT, QUẢN LÝ VIỆC THU GOM RÁC, QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ XUNG QUANH, ĐỒNG THỜI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NHẪM TẠO KHÔNG GIAN LÀM VIỆC HOÀN HẢO CHO NHÂN VIÊN VÀ CAM KẾT CHUNG TAY VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỂ XÂY DỰNG MỘT MÔI TRƯỜNG XANH SẠCH, AN TOÀN VÀ BỀN VỮNG.

TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

Vấn đề năng lượng và tiết kiệm năng lượng luôn được đặc biệt chú trọng. Bảo Long có chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng điện, nước, sử dụng các thiết bị điện thông minh ít tốn năng lượng và khí thải.

GIẢI PHÁP TIÊU THỤ ĐIỆN HIỆU QUẢ

- ❖ Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- ❖ Duy trì nhiệt độ ở mức 25-27 °C, tránh chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài không gian điều hòa...
- ❖ Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h.
- ❖ Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ...) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm điện, chấn lưu điện tử...).
- ❖ Đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường...).

CHẤT THẢI RẮN

Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động văn phòng của cán bộ nhân viên trong Công ty. Thành phần chất thải rắn bao gồm giấy in hỏng, bút hết mực, giấy bìa carton, vỏ hoa quả...

GIẢI PHÁP XỬ LÝ

- ❖ Tại mỗi tầng của tòa nhà, Bảo Long đều trang bị các thùng đựng rác để thu gom rác.
- ❖ Hàng ngày, nhân viên vệ sinh Công ty dọn dẹp trong từng phòng và quét dọn hành lang, bãi xe và khu vực xung quanh tòa nhà.
- ❖ Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom tất cả rác trong thùng rác ở các tầng ra điểm rác trước cửa công ty.

GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- ❖ Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in tài liệu.
- ❖ Tái sử dụng văn phòng phẩm có nguồn gốc từ khai thác tài nguyên như: sử dụng giấy 1 mặt để in các tài liệu tham khảo, sử dụng bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa đã qua sử dụng...

CHẤT THẢI KHÍ

Chất thải khí phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông:

- ❖ Các phương tiện của khách ra vào Tòa nhà.
- ❖ Các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường Điện Biên Phủ.
- ❖ Sự gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí sẽ kéo theo các tác động về sức khỏe của nhân viên trong Công ty.

BIỆN PHÁP VÀ QUY TRÌNH XỬ LÝ KỸ THUẬT

- ❖ Đặt các chậu cây cảnh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.
- ❖ Tắt máy xe khi đi vào Công ty.
- ❖ Tổ chức sắp xếp, hướng dẫn chỗ để xe của khách đến làm việc tại Bảo Long.
- ❖ Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ khu vực tòa nhà Công ty.
- ❖ Bố trí quạt thông gió tại tầng hầm gửi xe của tòa nhà đảm bảo không khí thông thoáng.

GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- ❖ Bảo Long luôn bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc để bảo vệ sức khỏe của Người Lao động.

ỨNG DỤNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG

Sử dụng phần mềm quản lý văn bản online tạo điều kiện cho các đơn vị trên toàn hệ thống cập nhật liên tục các văn bản, chính sách từ Bảo Long. Điều này vừa giúp tiết kiệm chi phí in ấn và phí chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.

Tăng cường sử dụng cầu truyền hình và các phương tiện kỹ thuật tiên tiến để tổ chức các cuộc họp giữa các Đơn vị xa địa bàn nhằm tiết kiệm chi phí đi lại.



04. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

TƯƠNG LAI CHINH PHỤC CHUỖI GIÁ TRỊ MỚI

Để đảm bảo các chỉ số tăng trưởng bền vững trong những năm tới, Bảo Long đã đầu tư các nguồn lực chủ chốt về con người, công nghệ, mạng lưới các Đơn vị thành viên và Phòng Kinh doanh khu vực... nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định, tạo nền tảng vững chắc cho chặng đường hướng đến tương lai. Đồng thời, Bảo Long cam kết thực hiện chính sách cân bằng lợi ích cho nhân viên, Cổ đông và Khách hàng.



InsurTECH

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội Đồng Quản Trị

Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch (tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Chủ tịch (tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Phó Chủ tịch (tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)
Ông Võ Tấn Hoàng Văn	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)
Ông Trần Văn Hối	Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)
Ông Phan Quốc Dũng	Thành viên (tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)
Bà Phạm Minh Châm	Thành viên (tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Cửu Tính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)
Ông Đặng Đức Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)

Ban Điều Hành

Ông Phan Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Minh Châm	Phó Tổng Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Kế toán trưởng

Ban Kiểm Soát

Bà Lê Thị Thanh Bình	Trưởng ban (tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Tường Vy	Thành viên (tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)
Ông Võ Hoàng Duy Trinh	Thành viên (tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ❖ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ❖ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ❖ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- ❖ Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Ông **Phan Quốc Dũng**
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, phường Bến Nghé,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3910 0751
Fax: +84 28 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2019, từ trang 72 đến trang 115, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0488-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2110-2018-001-1

Ngày 15 tháng 3 năm 2019
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.493.150.190.543	1.331.682.669.752
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	467.529.651.751	96.997.579.518
1. Tiền	111		467.529.651.751	91.997.579.518
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	463.223.455.229	767.925.704.807
1. Chứng khoán kinh doanh	121		38.986.886.456	71.678.133.711
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(13.148.004.664)	(9.752.428.904)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		437.384.573.437	706.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		235.356.037.501	252.870.436.666
1. Phải thu của Khách hàng	131		191.999.709.946	173.835.534.316
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	191.999.709.946	173.835.534.316
2. Các khoản phải thu khác	136	8	62.108.057.480	87.734.985.540
3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	9	(18.751.729.925)	(8.700.083.190)
IV. Hàng tồn kho	140		427.594.345	487.395.820
1. Hàng tồn kho	141		427.594.345	487.395.820
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		51.414.019.866	45.786.300.773
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		51.414.019.866	35.037.499.688
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	10	50.496.662.169	34.340.625.737
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		917.357.697	696.873.951
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	4.807.003.279
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	16	-	5.941.797.806
VI. Tài sản tái bảo hiểm	190	19	275.199.431.851	167.615.252.168
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		176.500.935.032	53.713.596.683
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		98.698.496.819	113.901.655.485
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		328.481.715.167	330.345.098.003
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.805.092.896	16.467.505.200
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	18.805.092.896	16.467.505.200
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		12.000.000.000	12.000.000.000
1.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		6.805.092.896	4.467.505.200
II. Tài sản cố định	220		82.830.428.133	27.600.624.219
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	16.656.822.090	17.570.499.852
- Nguyên giá	222		37.501.019.840	38.905.502.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.844.197.750)	(21.335.002.408)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	66.173.606.043	10.030.124.367
- Nguyên giá	228		73.113.842.449	15.914.259.277
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.940.236.406)	(5.884.134.910)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	211.257.534.246	272.017.500.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		213.560.534.246	273.520.500.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	255.1		(2.303.000.000)	(1.503.000.000)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	260		15.588.659.892	14.259.468.584
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.287.466.040	7.275.269.791
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	6.553.986.889	4.542.815.807
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.747.206.963	2.441.382.986
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.821.631.905.710	1.662.027.767.755

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.155.094.049.414	1.016.150.005.959
I. Nợ ngắn hạn	310		1.151.905.945.789	1.013.318.894.584
1. Phải trả người bán	312		166.665.759.670	112.626.659.426
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	166.665.759.670	112.626.659.426
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	12.731.773.382	10.807.778.583
3. Phải trả Người Lao động	315		19.032.541.746	19.229.749.283
4. Chi phí phải trả	316		7.192.377.140	9.792.314.284
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.052.792.065	5.056.677.825
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	29.855.269.765	38.843.085.321
7. Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng	319.1	18	67.795.491.120	15.855.160.122
8. Dự phòng nghiệp vụ	329	19	842.579.940.901	801.107.469.740
8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		520.913.605.502	438.710.085.335
8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		264.182.074.896	311.883.894.722
8.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		57.484.260.503	50.513.489.683
II. Nợ dài hạn	330		3.188.103.625	2.831.111.375
1. Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	30.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	342		3.158.103.625	2.801.111.375
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		666.537.856.296	645.877.761.796
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	666.537.856.296	645.877.761.796
1. Vốn cổ phần	411		600.000.000.000	600.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(415.994.845)	(415.994.845)
3. Cổ phiếu quỹ	414		(5.260.000)	(5.260.000)
4. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		15.831.189.152	13.907.192.238
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.180.036.898	1.200.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.947.885.091	31.191.824.403
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.821.631.905.710	1.662.027.767.755

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	VND	68.742.467.817	44.299.666.254
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	10.241.555.280	8.913.085.841
3. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)	USD	37.521,41	472.270



Ông Châu Tuấn
Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Kế toán Trưởng

Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		828.175.716.984	792.021.820.621
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	26	107.871.782.783	103.885.112.189
3. Thu nhập khác	13	29	8.352.151.966	3.793.685.150
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20		654.491.256.270	649.151.391.856
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	27	21.781.027.835	9.480.991.719
6. Chi phí quản lý Doanh nghiệp	23	28	218.113.586.695	211.679.137.744
7. Chi phí khác	24	29	713.803.609	518.393.906
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+12+13-20-22-23-24)	50		49.299.977.324	28.870.702.735
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	12.831.210.132	5.804.955.606
10. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(2.011.171.082)	1.065.337.160
11. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	20.1	38.479.938.274	22.000.409.969
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	608	362

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	22	1.009.801.931.265	907.904.905.674
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1.020.029.527.501	892.990.614.957
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		71.975.923.931	57.823.614.124
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		82.203.520.167	42.909.323.407
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	23	272.140.915.797	159.269.341.848
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		394.928.254.146	148.965.574.877
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		122.787.338.349	(10.303.766.971)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		737.661.015.468	748.635.563.826
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)	04		90.514.701.516	43.386.256.795
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	18	89.118.457.657	43.243.650.641
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		1.396.243.859	142.606.154
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		828.175.716.984	792.021.820.621
6. Chi bồi thường (11=11.1-11.2)	11	24	472.222.428.518	349.201.235.728
Trong đó:				
- Tổng chi bồi thường	11.1		474.296.693.741	355.906.401.737
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		2.074.265.223	6.705.166.009
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	24.3	128.363.445.018	39.493.643.572
8. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	19.1	(47.701.819.826)	73.818.280.312
9. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	19.1	(15.203.158.666)	48.948.671.320
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15	24	311.360.322.340	334.577.201.148
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16	19.2	6.970.770.819	8.018.486.545
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)	17		336.160.163.111	306.555.704.163
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1	10	81.810.322.931	81.465.900.654
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	25	254.349.840.180	225.089.803.509
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		654.491.256.270	649.151.391.856
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		173.684.460.714	142.870.428.765
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	26	107.871.782.783	103.885.112.189
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	27	21.781.027.835	9.480.991.719
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		86.090.754.948	94.404.120.470
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	218.113.586.695	211.679.137.744
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)	30	28	41.661.628.967	25.595.411.491

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	VND	
			Năm nay	Năm trước
20. Thu nhập khác	31		8.352.151.966	3.793.685.150
21. Chi phí khác	32		713.803.609	518.393.906
22. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	29	7.638.348.357	3.275.291.244
23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		49.299.977.324	28.870.702.735
24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	12.831.210.132	5.804.955.606
25. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(2.011.171.082)	1.065.337.160
26. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	20.1	38.479.938.274	22.000.409.969
27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	608	362


 Ông Châu Tuấn
 Người lập biểu


 Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
 Kế toán Trưởng


 Ông Phan Quốc Dũng
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	987.444.656.640	891.433.720.580
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(887.824.365.574)	(758.328.768.950)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(127.683.116.724)	(114.845.413.472)
4. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(30.195.100)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	591.392.021.415	122.417.963.474
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(320.705.246.422)	(163.938.957.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	242.623.949.335	(23.291.651.190)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(59.091.231.316)	(663.792.727)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.436.723.584	4.027.363.635
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.607.592.731.981)	(682.658.584.692)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	15.719.376.263.727	585.910.075.592
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	90.846.724.809	67.458.730.126
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	144.975.748.823	(25.926.208.066)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ góp vốn	31	-	88.000.000.000
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(17.086.117.525)	(8.155.915.782)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.086.117.525)	79.844.084.218
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	370.513.580.633	30.626.224.962
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	96.997.579.518	66.327.934.367
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	18.491.600	43.420.189
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	467.529.651.751	96.997.579.518


 Ông Châu Tuấn
 Người lập biểu


 Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
 Kế toán Trưởng


 Ông Phan Quốc Dũng
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (gọi tắt là "Tổng Công ty"), là một công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 1529/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059614 do Ủy ban kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 8 năm 1995 và Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động số 05TC/GCN ngày 10 tháng 1 năm 1995 do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động mới nhất số 71GP/KDBH ngày 15 tháng 4 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 71/GPĐC18/KDBH ngày 7 tháng 4 năm 2017 do Bộ Tài chính cấp.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM vào ngày 11 tháng 12 năm 2015 với mã chứng khoán là "BLI".

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 989 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 956 người).

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chu năm kinh doanh thông thường

Chu năm kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty có 01 Trụ sở chính và 46 Công ty thành viên trên cả nước.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đã được phân loại lại như trình bày ở Thuyết minh số 38.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tổng Công ty là Chứng từ ghi sổ.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 02 tháng 01 năm 2019, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 01/2019/TT-BTC ("Thông tư 01") sửa đổi Thông tư 50/2017/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 73/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Thông tư 01 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 16 tháng 02 năm 2019. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư trên đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về ghi nhận tiếp theo công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc không quá ba (3) tháng, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các cổ phiếu niêm yết, không niêm yết trên thị trường chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Tăng/giảm dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí hoạt động tài chính" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

c) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”) của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư 228 và các quy định kế toán hiện hành.

4.5 Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người lao động nghỉ việc, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi giảm và các khoản lãi/lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi giảm và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Tổng Công ty không trích khấu hao liên quan đến giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 (“Thông tư 45”).

4.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
Máy móc thiết bị	6 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	13 năm

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích hoạt động kinh doanh, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

4.11 Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng bảo hiểm, chi phí khai thác trực tiếp chờ phân bổ, chi phí thuê văn phòng và thiết bị, công cụ, dụng cụ, và các chi phí trả trước khác.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm phát sinh trong năm. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng chưa phân bổ tương ứng với khoản phí bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp tương ứng với phương pháp tính dự phòng phí chưa được hưởng đã được phê duyệt tại Công văn số 792/BTC-QLBH ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính (“Công văn 792”).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính ("Thông tư 50") và Công văn 792. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

a. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Tổng Công ty trích lập dự phòng phí chưa được hưởng theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể là phương pháp 1/24 ("phương pháp 1/24"). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một tháng của Tổng Công ty được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng = Phí bảo hiểm x Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo nhưng đến cuối năm tài chính chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm tài chính; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo ("IBNR") trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 ("VAS 19") – Hợp đồng bảo hiểm, các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến Chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 50 và Công văn 792. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện trích lập theo tỉ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm.

Theo quy định tại Thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 ("Thông tư 232") của Bộ Tài chính, các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm không thực hiện bù trừ với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

b. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe:

(i) Dự phòng toán học:

Theo Công văn 792, dự phòng toán học áp dụng đối với các hợp đồng có thời hạn trên một (1) năm và được trích lập như sau:

- ▶ Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn):

Tổng Công ty trích lập dự phòng toán học theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể là phương pháp 1/8 ("phương pháp 1/8"). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một quý của Tổng Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng toán học được tính theo công thức sau:

Dự phòng toán học = Phí bảo hiểm x Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

- ▶ Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn:

Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể là phương pháp theo từng ngày. Dự phòng toán học được tính theo công thức sau:

Dự phòng toán học = $\frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$

(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng:

Dự phòng phí chưa được hưởng áp dụng đối với các hợp đồng có thời hạn từ một (1) năm trở xuống và được trích lập theo phương pháp 1/24. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng = Phí bảo hiểm giữ lại x Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho Công ty bảo hiểm hoặc Khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ kế toán, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhà nhận tái bảo hiểm; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo ("IBNR") được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iv) Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm với mức trích lập là 1% trên phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Các khoản dự phòng phải trả khác

Các khoản dự phòng phải trả khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty được hơn 12 tháng. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

4.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 50.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

- (1) hợp đồng đã được giao kết giữa Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm, đồng thời bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (3) hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào doanh thu khoản phí bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Riêng trường hợp bảo hiểm hàng hóa vận chuyển cho khách hàng có nhiều chuyến hàng tham gia bảo hiểm trong năm hoặc bảo hiểm du lịch cho khách hàng có nhiều chuyến du lịch tham gia bảo hiểm trong năm, nếu Tổng Công ty và bên mua bảo hiểm có ký hợp đồng bảo hiểm nguyên tắc về cách thức tham gia bảo hiểm và phương thức thanh toán thì thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm bắt đầu trong tháng này không được chậm hơn ngày 25 của tháng kế tiếp.

Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Tổng Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Tổng Công ty chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận, nếu Tổng Công ty không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định tại tiết d, điểm 1.1, khoản 1, điều 21, Thông tư 50, hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Tổng Công ty không được thỏa thuận với bên mua bảo hiểm thay đổi thời hạn thanh toán phí bảo hiểm và các kỳ phí bảo hiểm trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu thể hiện các khoản giảm phí và hoàn phí bảo hiểm, được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh, căn cứ vào thỏa thuận giảm phí hoặc hủy hợp đồng bảo hiểm giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm.

Đối với các hoạt động khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện giá trị các khoản phí bảo hiểm khách hàng thanh toán trước cho các đơn bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm hoặc thanh toán trước cho các kỳ tiếp theo của các đơn bảo hiểm nhiều kỳ đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm, được ghi nhận khi Tổng Công ty nhận tiền trước của bên mua bảo hiểm. Tổng Công ty sẽ phân bổ vào doanh thu trong kỳ khi các đơn bảo hiểm này phát sinh trách nhiệm bảo hiểm.

4.17 Ghi nhận chi phí

(i) Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào tạm ứng chi phí bồi thường trong "Phải thu khác" trên bảng cân đối kế toán.

(ii) Chi hoa hồng bảo hiểm

Chi phí hoa hồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phát sinh trong năm tài chính và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư số 50 do Bộ Tài chính ban hành. Cuối năm tài chính, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn 792.

(iii) Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhận tái bảo hiểm

Phí nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm cố định đã được ký kết và Tổng Công ty nhận được các bảng kê thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Phí nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập và Tổng Công ty đã nhận được các bảng kê thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm cố định và tạm thời được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và Tổng Công ty nhận được các bảng kê thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm cố định và tạm thời được ghi nhận khi phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và Tổng Công ty nhận được các bảng kê thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối năm tài chính, khoản hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với doanh thu phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký vào được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn 792.

(ii) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm cố định được ký kết, đồng thời doanh thu phí bảo hiểm gốc và doanh thu phí nhận tái bảo hiểm nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận. Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập, đồng thời doanh thu phí bảo hiểm gốc và doanh thu phí nhận tái bảo hiểm nằm trong phạm vi thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối năm tài chính, khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu năm nay tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn 792.

4.19 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.20 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.21 Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

4.22 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.23 Quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo điều lệ của Tổng Công ty và phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	5.376.540.260	6.699.002.152
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	462.153.111.491	85.298.577.366
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
	467.529.651.751	96.997.579.518

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 6.1)		
Cổ phiếu niêm yết	34.160.445.456	46.925.695.211
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.826.441.000	4.826.441.000
Chứng khoán quỹ mở	-	19.925.997.500
	38.986.886.456	71.678.133.711
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(13.148.004.664)	(9.752.428.904)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	25.838.881.792	61.925.704.807
Ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	367.367.073.437	626.000.000.000
- Trái phiếu (ii)	70.017.500.000	80.000.000.000
	437.384.573.437	706.000.000.000
Dài hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn (iii)	162.057.534.246	131.000.000.000
- Trái phiếu (iv)	21.503.000.000	71.520.500.000
- Ủy thác đầu tư (v)	30.000.000.000	30.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	41.000.000.000
	213.560.534.246	273.520.500.000
Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi (vi)	(2.303.000.000)	(1.503.000.000)
	211.257.534.246	272.017.500.000
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính	674.480.989.475	1.039.943.204.807

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở lên và có thời gian đáo hạn còn lại không quá một (1) năm kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất từ 6,2% đến 11,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: từ 6,5% đến 11%/năm).
- (ii) Thể hiện 70.000 trái phiếu doanh nghiệp của Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt có kỳ hạn 2 năm kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2017 với mức lãi suất 7,50%/năm.
- (iii) Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với thời gian đáo hạn còn lại trên một (1) năm kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán với mức lãi suất từ 6,5% đến 10,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: từ 6,65% đến 11,5%/năm).
- (iv) Bao gồm giá trị 20 tỷ đồng của 200.000 trái phiếu doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật có kỳ hạn 2 năm kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2018 với mức lãi suất 10,50%/năm và 1.503.000.000 đồng trái phiếu Vinashin.
- (v) Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư ký ngày 20 tháng 11 năm 2017 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam cho mục đích thực hiện việc quản lý và đầu tư vốn theo chiến lược đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, danh mục đầu tư đã thực hiện theo hợp đồng ủy thác đầu tư này không suy giảm giá trị.
- (vi) Đây là dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin và các khoản ủy thác đầu tư với số tiền lần lượt là 1.503.000.000 đồng và 800.000.000 đồng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)
6.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Cổ phiếu niêm yết	2.053.936	34.160.445.456	(8.969.898.842)	25.190.546.614	2.160.160	46.925.695.211	(5.592.669.615)	41.333.025.596
SSN	286.700	6.183.712.619	(3.477.264.619)	2.706.448.000	286.700	6.183.712.619	(5.35.722.619)	5.647.990.000
PXI	616.130	4.946.799.699	(3.412.635.999)	1.534.163.700	688.920	5.606.882.561	(3.884.582.561)	1.722.300.000
BMP	-	-	-	-	91.500	7.291.495.849	-	7.291.495.849
GTN	-	-	-	-	400.000	6.800.000.000	(3.200.000.000)	6.480.000.000
NTP	-	-	-	-	89.500	6.425.810.195	(1.60.810.195)	6.265.000.000
SVC	19.220	982.011.119	(1.55.551.119)	826.460.000	80.100	4.092.732.000	(103.752.000)	3.988.980.000
GEX	250.000	5.986.490.073	(448.990.073)	5.537.500.000	-	-	-	-
PMG	115.000	2.615.000.000	(401.250.000)	2.213.750.000	-	-	-	-
DIG	283.000	4.702.150.500	(315.650.500)	4.386.500.000	-	-	-	-
SSI	120.000	3.386.753.500	(188.753.500)	3.198.000.000	-	-	-	-
Cổ phiếu khác	363.886	5.357.527.946	(569.803.032)	4.787.724.914	523.440	10.525.061.987	(587.802.240)	9.937.259.747
Cổ phiếu chưa niêm yết	262.758	4.826.441.000	(4.178.105.822)	648.335.178	262.758	4.826.441.000	(4.159.759.289)	666.681.711
Công ty cổ phần cả phê Petec	43.800	444.000.000	(444.000.000)	-	43.800	444.000.000	(444.000.000)	-
Công ty cổ phần PVOil Nam Định	19.607	196.070.000	(196.070.000)	-	19.607	196.070.000	(196.070.000)	-
Công ty cổ phần Petec	199.351	4.186.371.000	(3.538.035.822)	648.335.178	199.351	4.186.371.000	(3.519.689.289)	666.681.711
Chứng chỉ quỹ mở	-	-	-	-	1.558.950	19.925.997.500	-	19.925.997.500
VFMVF4	-	-	-	-	1.558.950	19.925.997.500	-	19.925.997.500
	2.316.694	38.986.886.456	(13.148.004.664)	25.838.881.792	3.981.868	71.678.133.711	(9.752.428.904)	61.925.704.807

(*) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định theo các phương pháp và giả định nêu ở Thuyết minh số 37.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bảo hiểm gốc	77.024.124.324	84.448.711.229
Phải thu nhận tái bảo hiểm	25.344.710.554	36.915.743.857
Phải thu nhượng tái bảo hiểm	83.676.459.594	41.165.493.108
Phải thu đồng bảo hiểm	5.858.181.097	11.209.351.745
Phải thu khác	96.234.377	96.234.377
	191.999.709.946	173.835.534.316

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
- Tạm ứng bồi thường	10.680.103.242	32.970.167.344
- Tiền lãi dự thu	15.142.305.724	33.710.413.226
- Tạm ứng chi phí kinh doanh	18.231.476.032	14.648.682.522
- Phải thu đầu tư chứng khoán (T+2)	8.791.464.890	1.234.844.950
- Phải thu khác	9.262.707.592	5.170.877.498
	62.108.057.480	87.734.985.540
b. Dài hạn		
- Kỳ quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	12.000.000.000
- Tiền lãi dự thu	6.805.092.896	4.467.505.200
	18.805.092.896	16.467.505.200

9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	15.513.957.154	6.922.899.649
Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khác	3.237.772.771	1.777.183.541
	18.751.729.925	8.700.083.190

10. CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỐ

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ bao gồm các khoản chi phí hoa hồng bảo hiểm phải trả thực tế đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí kinh doanh bảo hiểm của năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo quy định hiện hành.

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	34.340.625.737	33.237.139.508
Phát sinh trong năm	97.966.359.363	82.569.386.883
Phân bổ vào chi phí trong năm	(81.810.322.931)	(81.465.900.654)
Số dư cuối năm	50.496.662.169	34.340.625.737

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Phương tiện vận tải	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Số dư đầu năm	21.567.935.706	11.458.352.301	567.206.032	5.312.008.221	38.905.502.260
Tăng trong năm	504.770.464	-	1.040.000.000	346.877.680	1.891.648.144
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.170.221.851)	(125.908.713)	-	(3.296.130.564)
Số dư cuối kỳ	22.072.706.170	8.288.130.450	1.481.297.319	5.658.885.901	37.501.019.840
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	9.242.783.173	6.661.456.816	548.455.272	4.882.307.147	21.335.002.408
Khấu hao trong năm	717.016.284	804.927.641	50.364.870	236.101.169	1.808.409.964
Giảm do thanh lý	-	(2.173.305.909)	(125.908.713)	-	(2.299.214.622)
Số dư cuối năm	9.959.799.457	5.293.078.548	472.911.429	5.118.408.316	20.844.197.750
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	12.325.152.533	4.796.895.485	18.750.760	429.701.074	17.570.499.852
Tại ngày cuối năm	12.112.906.713	2.995.051.902	1.008.385.890	540.477.585	16.656.822.090

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.200.663.794 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 7.055.760.124 đồng).

(*) Bao gồm một căn nhà với giá trị còn lại là 4.180.181.819 đồng đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác và Tổng Công ty đã ngừng không trích khấu hao cho tài sản này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 17).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	12.713.119.277	3.201.140.000	15.914.259.277
Tăng trong kỳ	57.199.583.172	-	57.199.583.172
Số dư đầu năm và cuối năm	69.912.702.449	3.201.140.000	73.113.842.449
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	4.158.734.894	1.725.400.016	5.884.134.910
Khấu hao trong năm	415.873.493	640.228.003	1.056.101.496
Số dư cuối năm	4.574.608.387	2.365.628.019	6.940.236.406
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	8.554.384.383	1.475.739.984	10.030.124.367
Tại ngày cuối năm	65.338.094.062	835.511.981	66.173.606.043

(*) Bao gồm một quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 4.470.585.373 đồng đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 17).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ và dụng cụ	1.187.819.859	2.170.624.602
Chi phí sửa chữa văn phòng	4.244.599.463	4.225.951.814
Khác	855.046.718	878.693.375
	6.287.466.040	7.275.269.791

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.553.986.889	4.542.815.807
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.553.986.889	4.542.815.807

15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhượng tái bảo hiểm	124.855.509.601	73.223.468.218
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	23.219.819.030	14.274.770.095
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	8.575.957.961	13.164.713.233
Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc	7.343.709.417	8.756.055.346
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	1.764.636.309	1.947.703.513
Phải trả khác liên quan đến bảo hiểm gốc	906.127.352	1.259.949.021
	166.665.759.670	112.626.659.426

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp/bù trừ trong năm	Số cuối năm
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.941.797.806	-	(5.941.797.806)	-
	5.941.797.806	-	(5.941.797.806)	-
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	9.126.824.319	34.302.893.831	(39.360.561.131)	4.069.157.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.831.210.132	(5.941.797.806)	6.889.412.326
Thuế thu nhập cá nhân	1.434.376.978	5.784.775.575	(5.851.997.276)	1.367.155.277
Thuế khác	246.577.286	793.121.882	(633.650.408)	406.048.760
	10.807.778.583	47.770.203.614	(51.788.006.621)	12.731.773.382

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả cho nhà tái bảo hiểm (i)	6.510.434.240	10.813.077.632
- Phải trả cho hợp đồng chuyển nhượng nhà đất (ii)	9.136.363.636	9.136.363.636
- Phải trả phí tư vấn đầu tư chứng khoán	-	5.037.945.175
- Phải trả cổ tức	4.526.851.757	3.793.125.508
- Phí dịch vụ Direct Money	-	1.162.766.964
- Phí tạm thu chờ bóc tách	1.296.578.538	1.052.455.097
- Phải trả các khoản bảo hiểm cho nhân viên	878.346.545	790.947.371
- Phải trả Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của đại lý	432.255.433	405.563.387
- Phải trả quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	1.515.903.729	-
- Phải trả quỹ xe cơ giới	396.159.694	243.434.280
- Phải trả quỹ phòng cháy chữa cháy	258.936.135	215.780.112
- Phải trả khác	4.903.440.058	6.191.626.159
	29.855.269.765	38.843.085.321

(i) Đây chủ yếu là số tiền bồi thường phân bổ cho nhà tái bảo hiểm liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

(ii) Đây là số tiền Tổng Công ty nhận được từ bên mua liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của Tổng Công ty. Do thủ tục chuyển quyền sở hữu chưa hoàn tất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nên Tổng Công ty chưa ghi nhận nghiệp vụ thanh lý tài sản (Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 12).

18. DOANH THU HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng bao gồm các khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu năm nay tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo quy định hiện hành.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	15.855.160.122	16.746.790.243
Phát sinh trong năm	141.058.788.655	42.352.020.520
Phân bổ vào doanh thu trong năm	(89.118.457.657)	(43.243.650.641)
Số dư cuối năm	67.795.491.120	15.855.160.122

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19. DỰ PHÒNG NGHĨEP VỤ

19.1 Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng (tiếp theo)

Trong đó chi tiết bao gồm:

	Năm nay			Năm trước		
	Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng bảo hiểm thuần (3)=(1)-(2)	Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (4)	Nhượng tái bảo hiểm (5)	Dự phòng bảo hiểm thuần (6)=(4)-(5)
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	311.883.894.722	113.901.655.485	197.982.239.237	238.065.614.410	64.952.984.165	173.112.630.245
(Hoàn nhập)/ trích lập trong năm	(47.701.819.826)	(15.203.158.666)	32.498.661.160	73.818.280.312	48.948.671.320	24.869.608.992
Số dư cuối năm	264.182.074.896	98.698.496.819	165.483.578.077	311.883.894.722	113.901.655.485	197.982.239.237
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	438.710.085.335	53.713.596.683	384.996.488.652	395.800.761.928	64.017.363.654	331.783.398.274
(Hoàn nhập)/ trích lập trong năm	82.203.520.167	122.787.338.349	(40.583.818.182)	42.909.323.407	(10.303.766.971)	53.213.090.378
Số dư cuối năm	520.913.605.502	176.500.935.032	344.412.670.470	438.710.085.335	53.713.596.683	384.996.488.652

19.2 Dự phòng dao động lớn

	Năm nay		Năm trước	
	Tại ngày đầu năm	50.513.489.683	42.495.003.138	
Trích lập thêm trong năm	6.970.770.820	8.018.486.545		
Tại ngày cuối năm	57.484.260.503	50.513.489.683		

	Số đầu năm			Số cuối năm		
	Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (4)	Nhượng tái bảo hiểm (5)	Dự phòng bảo hiểm thuần (6)=(4)-(5)	Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng bảo hiểm thuần (3)=(1)-(2)
VND	311.883.894.722	113.901.655.485	197.982.239.237	264.182.074.896	98.698.496.819	165.483.578.077
Dự phòng bồi thường	283.359.467.848	109.432.688.239	173.926.779.609	231.421.614.811	86.850.649.194	144.571.265.617
Trong đó:	28.524.426.874	4.468.967.246	24.055.459.628	32.760.109.085	1.847.847.625	20.912.312.460
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	438.710.085.335	53.713.596.683	384.996.488.652	520.913.605.502	176.500.935.032	344.412.670.470
Dự phòng phí chưa được hưởng	582.678.272.727	167.615.252.168	415.063.020.559	785.089.560.574	158.137.661.772	626.951.898.802

19.1.1 Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

19. DỰ PHÒNG NGHĨEP VỤ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND		VND	
			Tổng
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	(41.994.845)	31.886.119.504
Tăng vốn góp	100.000.000.000	-	88.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	-	(5.260.000)	-
Chi phí tăng vốn cổ phần	-	(374.000.000)	(374.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	22.000.409.969
Cổ tức đã trả	-	-	(8.399.944.572)
Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	-	-	1.200.000.000
Phân phối các quỹ	-	1.100.020.498	(1.100.020.498)
Số dư đầu năm nay	600.000.000.000	(415.994.845)	645.877.761.796
Lợi nhuận trong năm	-	-	38.479.938.274
Phân phối các quỹ (*)	-	-	(1.980.036.898)
Cổ tức thông báo	-	-	(17.819.843.774)
Tạm trích quỹ (**)	-	1.923.996.914	(1.923.996.914)
Số dư cuối năm nay	600.000.000.000	(415.994.845)	666.537.856.296

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 ngày 16 tháng 4 năm 2018, cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

- Trích quỹ dự trữ bắt buộc với số tiền 1.100.020.498 đồng, tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế năm 2017 (đã tạm trích và ghi nhận trên báo cáo tài chính năm 2017);

- Chia cổ tức bằng tiền với số tiền 17.819.843.774 đồng, tương ứng với 2,97% mệnh giá cổ phiếu lưu hành;

(*) Thường cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số tiền 1.980.036.898 đồng, tương ứng với 10% lợi nhuận sau thuế năm 2017 sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị. Khoản thường này vẫn chưa chi trả cho nhân viên và vẫn đang ghi nhận ở khoản mục quỹ khác của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(**) Trong năm, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự trữ bắt buộc với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế năm 2018 với số tiền 1.923.996.914 đồng.

Số liệu cuối cùng về chia cổ tức và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019.

20.2 Vốn cổ phần

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Vốn đã góp		VND	
	Số cuối năm		Số đầu năm	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	490.823.420.000	81,80%	490.823.420.000	81,80%
Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	39.036.510.000	6,51%	39.036.510.000	6,51%
Cổ đông khác	70.140.070.000	11,69%	70.140.070.000	11,69%
	600.000.000.000	100%	600.000.000.000	100%

Chi tiết số lượng cổ phần được phát hành bởi Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại	526	526
Cổ phiếu phổ thông	526	526
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.999.474	59.999.474
Cổ phiếu phổ thông	59.999.474	59.999.474
Mệnh giá của cổ phần đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

20.3 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Tại ngày đầu năm	3.793.125.508	3.549.096.718
Cổ tức công bố trong năm	17.819.843.774	8.399.944.572
Cổ tức đã trả trong năm	(17.086.117.525)	(8.155.915.782)
Tại ngày cuối năm	4.526.851.757	3.793.125.508

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng Công ty đã xem xét đánh giá và quyết định không lập và trình bày Báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính do hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty chỉ gồm kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động bảo hiểm. Kết quả hoạt động đầu tư được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động tài chính của Tổng Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 26 và số 27 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Tổng Công ty chỉ cung cấp dịch vụ bảo hiểm trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Tổng Công ty tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí bảo hiểm gốc chưa bao gồm giảm phí, hoàn phí	1.031.245.646.722	907.166.138.209
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc (Giảm phí, hoàn phí bảo hiểm gốc)	(11.216.119.221)	(14.175.523.252)
Phí bảo hiểm gốc (1)	1.020.029.527.501	892.990.614.957
Phí nhận tái bảo hiểm chưa bao gồm giảm phí, hoàn phí	72.342.849.921	58.758.870.251
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (Giảm phí, hoàn phí tái bảo hiểm)	(366.925.990)	(935.256.127)
Phí nhận tái bảo hiểm (2)	71.975.923.931	57.823.614.124
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (3)	82.203.520.167	42.909.323.407
Tổng cộng doanh thu phí bảo hiểm (4)=(1)+(2)-(3)	1.009.801.931.265	907.904.905.674

22.1 Phí bảo hiểm gốc

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi tiết doanh thu phí bảo hiểm gốc		
Bảo hiểm xe cơ giới	561.241.078.120	533.077.910.831
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	175.273.531.529	146.560.458.581
Bảo hiểm con người	151.356.892.350	103.002.354.568
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	70.662.226.211	58.460.811.454
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	40.958.940.464	33.731.742.121
Bảo hiểm Tàu	19.047.128.184	17.644.381.194
Bảo hiểm thuyền viên	1.489.730.643	512.956.208
	1.020.029.527.501	892.990.614.957

22.2 Phí nhận tái bảo hiểm

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi tiết doanh thu phí nhận tái bảo hiểm		
Bảo hiểm xe cơ giới	558.639.970	752.746.255
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	45.685.418.422	50.370.986.265
Bảo hiểm con người	20.621.452.483	826.560.065
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	743.596.696	565.624.819
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	3.079.209.964	4.045.607.118
Bảo hiểm tàu thuyền	1.284.469.528	1.245.724.238
Bảo hiểm thuyền viên	3.136.868	16.365.364
	71.975.923.931	57.823.614.124

23. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	188.585.797.551	-
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	119.858.311.943	94.073.038.941
Bảo hiểm con người	31.884.819.541	9.571.443.768
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	22.106.358.602	18.160.724.605
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	22.689.285.664	22.632.102.921
Bảo hiểm tàu thuyền	9.803.680.845	4.528.264.642
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	394.928.254.146	148.965.574.877
Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	122.787.338.350	(10.303.766.971)
Phí nhượng tái bảo hiểm	272.140.915.796	159.269.341.848

24. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	474.296.693.741	355.906.401.737
- Chi bồi thường bảo hiểm gốc (24.1)	435.365.114.861	331.211.278.241
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (24.2)	38.931.578.880	24.695.123.496
Các khoản thu giảm chi (thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%) (2)	(2.074.265.223)	(6.705.166.009)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm (24.3) (3)	128.363.445.018	39.493.643.572
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (4)	(47.701.819.826)	73.818.280.312
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (5)	(15.203.158.666)	48.948.671.320
Tổng chi bồi thường bảo hiểm ((1)+(2)-(3)+(4)-(5))	311.360.322.340	334.577.201.148

24.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	314.060.177.593	255.995.989.123
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	42.519.720.389	31.152.529.136
Bảo hiểm con người	33.629.378.239	19.496.982.792
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	10.838.176.207	14.444.543.261
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	1.506.479.643	4.422.527.626
Bảo hiểm tàu thuyền	32.533.862.790	5.685.106.303
Bảo hiểm thuyền viên	277.320.000	13.600.000
	435.365.114.861	331.211.278.241

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM (tiếp theo)

24.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	44.328.941	87.811.264
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	33.844.060.764	23.040.238.188
Bảo hiểm con người	122.421.451	27.253.822
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	4.431.556	195.800.188
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	1.842.865.490	714.266.027
Bảo hiểm tàu thuyền	3.073.470.678	629.754.007
	38.931.578.880	24.695.123.496

24.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	45.973.584.937	-
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	43.014.298.073	29.166.156.960
Bảo hiểm con người	7.275.760.352	900.167.363
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	4.930.005.105	6.057.811.385
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	1.085.797.335	3.134.477.568
Bảo hiểm tàu thuyền	26.083.999.216	235.030.296
	128.363.445.018	39.493.643.572

25. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí giao dịch khách hàng	131.594.378.816	107.380.310.430
Lương và các khoản phụ cấp	50.013.754.044	57.613.373.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.699.697.729	28.120.297.214
Chi phí giám định tổn thất	9.049.890.770	11.266.767.716
Công cụ, dụng cụ	5.659.110.100	6.743.203.055
Chi phí khác	14.333.008.721	13.965.851.358
	254.349.840.180	225.089.803.509

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập lãi tiền gửi	58.342.319.613	63.444.947.849
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	15.229.526.288	23.491.372.224
Lãi từ đầu tư trái phiếu	15.498.787.390	14.803.818.570
Cổ tức được chia	775.098.000	1.848.136.400
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	1.421.721.508	296.837.146
Lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư	16.604.329.984	-
	107.871.782.783	103.885.112.189

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	14.400.156.446	13.132.456.916
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.169.630.644	448.474.975
Phí dịch vụ ngân hàng	2.015.664.985	679.033.182
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư	4.195.575.760	(4.778.973.354)
	21.781.027.835	9.480.991.719

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các khoản phụ cấp	127.485.909.187	111.018.715.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.241.840.634	80.768.366.550
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.181.672.977	10.216.852.376
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	11.380.116.174	2.823.336.437
Chi phí khấu hao	2.864.511.460	3.251.531.243
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	3.822.725.574	3.426.740.386
Thuế và phí	136.810.689	173.595.414
	218.113.586.695	211.679.137.744

29. LỢI NHUẬN KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	8.352.151.966	3.793.685.150
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	436.544.945	2.360.232.081
Khác	7.915.607.021	1.433.453.069
Chi phí khác	713.803.609	518.393.906
Chi khác	713.803.609	518.393.906
Lợi nhuận khác	7.638.348.357	3.275.291.244

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.138.883.309	5.648.567.924
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	692.326.823	156.387.682
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.831.210.132	5.804.955.606

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế		
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	49.299.977.324	28.870.702.735
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(9.280.757.406)	1.848.136.400
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.113.681.814	2.002.211.695
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	60.694.416.544	29.024.778.030
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.138.883.309	5.804.955.606
	VND	
	Năm nay	Năm trước
(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(2.011.171.082)	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	1.065.337.160
(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(2.011.171.082)	1.065.337.160

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất bằng 20% trên tổng thu nhập chịu thuế. Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 hoặc quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với Lợi nhuận trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

31. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty có các cam kết thuê hoạt động liên quan đến việc thuê văn phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Trong vòng một năm	6.814.194.358	2.262.744.412
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.761.499.867	18.864.125.100
	10.575.694.225	21.126.869.512

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Quan hệ

Công ty mẹ
Cổ đông lớn

Tổng Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Công ty mẹ		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	459.857.985.140	330.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	714.501.870.607	140.000.000.000
Thu nhập từ lãi tiền gửi	17.831.705.003	20.031.232.901
Phí dịch vụ ngân hàng	786.706.234	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Cổ đông lớn		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	28.000.000.000	12.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	13.000.000.000	12.000.000.000
Thu nhập từ lãi tiền gửi	1.496.110.956	1.466.492.682
Phí dịch vụ ngân hàng	31.939.608	36.667.510

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Các khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng Quản trị	1.672.333.332	1.100.020.498

Các khoản lương, thưởng của thành viên Ban Điều hành trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	4.410.000.000	5.154.000.000

Số dư chủ yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Công ty mẹ		
Tiền gửi thanh toán	411.533.897.437	24.810.627.689
Tiền gửi có kỳ hạn	75.356.114.533	330.000.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	2.168.084.920	11.804.339.600
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Cổ đông lớn		
Tiền gửi thanh toán	2.796.988.987	3.950.068.945
Tiền gửi có kỳ hạn	32.000.000.000	17.000.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	1.366.684.931	751.557.833

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm.

Tổng Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế	38.479.938.274	22.000.409.969
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	59.999.474	57.397.260
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(1.980.036.898)	(1.200.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	36.499.901.376	20.800.409.969
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	608	362

34. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Biên khả năng thanh toán là phần chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán. Việc tính toán biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty được thực hiện theo các hướng dẫn tại Thông tư 50.

Bảng dưới đây thể hiện việc tính toán biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Cục quản lý giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả gắn liền với lợi ích của người mua bảo hiểm. Đồng thời, Cục quản lý giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đáp ứng được với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Biên khả năng thanh toán (I=(1)-(2)-(3)-(4))	509.418.817.079	488.333.674.414
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	666.537.856.296	645.877.761.796
2. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	70.382.070.446	83.442.245.492
3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	86.736.968.771	74.101.841.890
II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [II=Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)]	174.269.299.322	200.462.163.551
(a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	174.269.299.322	200.462.163.551
(b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	136.500.681.429	118.851.778.635
III. So sánh (I) và (II)		
Theo số tuyệt đối	335.149.517.757	287.871.510.863
Theo tỷ lệ phần trăm	292%	244%

35. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

35.1 Cơ chế Quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Tổng Công ty từ các sự kiện cản trở Tổng Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Tổng Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Điều hành và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tổng Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tổng Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Điều hành chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Tổng Công ty.

35.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Tổng Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó, Tổng Công ty chịu các rủi ro bởi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ Tổng Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề phát sinh.

35.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tổng Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Tổng Công ty tại Việt Nam phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tổng Công ty được quy định trong Thông tư 50 của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Tổng Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
	VND	VND	%
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	509.418.817.079	174.269.299.322	292%
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	488.333.674.414	200.462.163.551	244%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính.

35.4 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

35.5 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Tổng Công ty thực hiện tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Tổng Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, người tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Tổng Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm hoặc do đánh giá nội bộ mới được phép tiến hành giao dịch.

36. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tổng Công ty phát hành hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm chính của Tổng Công ty và cách thức Tổng Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

36.1 Rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, các nghĩa vụ bảo hiểm cơ bản sẽ khác nhau do các mô hình phát triển sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 50. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo:

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) theo Công văn 792 về việc chấp thuận phương pháp trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thuyền, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục các hợp đồng bảo hiểm và được tăng cường thông qua việc lựa chọn kỹ càng và triển khai các chiến lược phát hành hợp đồng, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Tổng Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Tổng Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Điều hành. Ban Điều hành có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

36.2 Rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phát sinh.

Tổng Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tổng Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

36.2.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tổng Công ty và trái phiếu doanh nghiệp.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

36. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

36.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

36.2.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường. Ban Điều hành của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư trọng yếu vào cổ phiếu.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với giá cổ phiếu.

36.2.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu Khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm, tạm ứng cho khách hàng và các khoản phải thu khác. Tổng Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đòi công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Tổng Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Điều hành của Tổng Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Số cuối năm	Chưa đáo hạn	Quá hạn nhưng không giảm giá trị	Bị giảm giá trị riêng lẻ	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	467.529.651.751	-	-	467.529.651.751
Các khoản đầu tư tài chính	674.480.989.475	-	15.451.004.664	689.931.994.139
Chứng khoán kinh doanh	25.838.881.792	-	13.148.004.664	38.986.886.456
Tiền gửi có kỳ hạn	529.424.607.683	-	-	529.424.607.683
Tái phiếu (*)	90.017.500.000	-	1.503.000.000	91.520.500.000
Đầu tư khác	29.200.000.000	-	800.000.000	30.000.000.000
Phải thu của Khách hàng (*)	175.605.768.116	6.706.803.034	9.687.138.796	191.999.709.946
Phải thu khác	27.175.966.877	102.941.349	876.279.984	28.155.188.210
Lãi dự thu	21.947.398.620	-	-	21.947.398.620
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	98.698.496.819	-	-	98.698.496.819
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	3.216.571.661	-	109.722.816	3.326.294.477
	1.480.654.843.319	6.809.744.383	26.124.146.260	1.513.588.733.962

VND

36. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

36.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

36.2.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

36. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

36.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

36.2.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Số đầu năm	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị	Bị giảm giá trị riêng lẻ	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.997.579.518	-	-	96.997.579.518
Các khoản đầu tư tài chính	998.943.204.807	41.000.000.000	11.255.428.904	1.051.198.633.711
Chứng khoán kinh doanh	61.925.704.807	-	9.752.428.904	71.678.133.711
Tiền gửi có kỳ hạn	757.000.000.000	-	-	757.000.000.000
Trái phiếu (*)	150.017.500.000	-	1.503.000.000	151.520.500.000
Đầu tư khác	30.000.000.000	41.000.000.000	-	71.000.000.000
Phải thu của Khách hàng (*)	132.537.943.711	19.264.281.662	22.033.308.940	173.835.534.316
Phải thu khác	38.871.380.278	-	-	38.871.380.278
Lãi dự thu	38.177.161.426	-	-	38.177.161.426
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	974.181.616.111	-	-	974.181.616.111
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	2.895.892.500	-	-	2.895.892.500
	450.073.758.512	60.264.281.662	33.288.737.844	543.626.778.018
	1.063.514.975.450	18.876.163.163	44.787.166.688	1.127.358.315.301

VND

(*) Số dư của những khoản mục không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Chưa quá hạn và không suy giảm giá trị: các tài sản tài chính có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Tổng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

Bị giảm giá trị riêng lẻ: các công cụ nợ mà Tổng Công ty cho rằng không có khả năng thu lãi và gốc theo những điều khoản của hợp đồng.

MẪU SỐ B 09-DNPNT

36. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

36.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

36.2.3 Rủi ro thanh khoản

Tổng Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền mặt, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Tổng Công ty. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Tổng Công ty không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Tổng Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này. Danh mục đầu tư cũng được cơ cấu theo các yêu cầu thanh khoản để thanh toán các chi phí phát sinh do nhu cầu tiền ngoài dự tính.

Đạo hạn theo hợp đồng

Bảng dưới đây trình bày sơ lược thời gian đạo hạn theo hợp đồng nợ tài chính trên cơ sở chiết khấu tại thời điểm cuối năm:

Số cuối năm	Quá hạn	Dưới 1 năm	1-5 năm	Trên 5 năm	Không kỳ hạn	Tổng
Tài sản tài chính	-	-	-	-	-	467.529.651.751
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.503.000.000	437.384.573.437	212.057.534.246	-	-	689.931.994.139
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-	-	-	38.986.886.456
- Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	-	38.986.886.456
- Tiền gửi kỳ hạn	-	367.367.073.437	162.057.534.246	-	-	529.424.607.683
- Trái phiếu (*)	1.503.000.000	70.017.500.000	20.000.000.000	-	-	91.520.500.000
- Đầu tư khác	-	-	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Phải thu của Khách hàng (*)	163.931.941.830	175.605.768.116	-	-	-	191.999.709.946
Phải thu khác	979.221.333	27.175.966.877	-	-	-	28.155.188.210
Lãi dự thu	-	15.142.305.724	6.895.092.896	-	-	21.947.398.620
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	98.698.496.819	-	-	-	98.698.496.819
Ký quỹ bảo hiểm	-	-	-	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	-	579.087.514	2.747.206.963	-	-	3.326.294.477
	18.876.163.163	754.586.198.487	221.609.834.105	12.000.000.000	506.516.538.207	1.513.588.733.962
Nợ phải trả tài chính	-	166.665.759.670	-	-	-	166.665.759.670
Phải trả người bán	-	452.685.1757	-	-	-	452.685.1757
Cổ tức phải trả	-	-	-	-	-	-
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhân tái bảo hiểm	-	264.182.074.896	-	-	-	264.182.074.896
Chi phí trích trước	-	7.192.377.140	-	-	-	7.192.377.140
Phải trả khác	-	7.506.695.049	-	-	-	7.506.695.049
	450.073.758.512	450.073.758.512	-	-	-	450.073.758.512
Chênh lệch thanh khoản ròng	18.876.163.163	304.512.439.975	221.609.834.105	12.000.000.000	506.516.538.207	1.063.514.975.450

(*) Số dư của những khoản mục không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Khả năng sử dụng tài sản để xử lý công nợ dự tính

Không có khác biệt trọng yếu giữa giá trị năm vòng của tài sản và công nợ tại ngày thanh toán và giá trị đạo hạn của hợp đồng được trình bày như trên.

VND

36. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**36.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)****36.2.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Đáo hạn theo hợp đồng (tiếp theo)

Số đầu năm	Trong hạn			Số cuối năm	
	Quá hạn	Dưới 1 năm	1-53 năm		Trên 5 năm
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	-	96.997.579.518
Các khoản đầu tư tài chính	42.503.000.000.000	706.000.000.000	231.017.500.000	71.678.133.711	1.051.198.633.711
- Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	71.678.133.711	71.678.133.711
- Tiền gửi kỳ hạn	1.503.000.000	626.000.000.000	131.000.000.000	-	757.000.000.000
- Trái phiếu (*)	-	80.000.000.000	70.017.500.000	-	151.520.500.000
- Đầu tư khác	-	-	30.000.000.000	-	71.000.000.000
Phải thu của Khách hàng (*)	41.000.000.000	132.537.943.714	-	-	173.835.534.316
Phải thu khác	41.297.590.602	38.871.380.278	-	-	38.871.380.278
Lãi dự thu	-	38.177.918.426	-	-	38.177.918.426
Tài sản tài bảo hiểm	-	113.901.655.485	-	-	113.901.655.485
Ký quỹ bảo hiểm	-	2.945.892.500	-	-	2.945.892.500
Các khoản ký quỹ khác	-	-	-	-	12.000.000.000
Nợ phải trả tài chính	83.800.590.602	1.032.434.790.403	231.017.500.000	12.000.000.000	1.527.928.594.234
Phải trả người bán	-	12.262.659.426	-	-	12.262.659.426
Cổ tức phải trả	-	3.793.125.508	-	-	3.793.125.508
Dự phòng bồi thường	-	311.883.894.722	-	-	311.883.894.722
Chi phí trích trước	-	9.792.314.284	-	-	9.792.314.284
Phải trả khác	-	7.927.116.077	-	-	7.927.116.077
Chênh lệch thanh khoản ròng	83.800.590.602	581.081.680.386	231.017.500.000	12.000.000.000	1.076.575.484.217

(*) Số dư của những khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Khả năng sử dụng tài sản để xử lý công nợ dự tính

Không có khác biệt trong yếu tố giữa giá trị nắm vong của tài sản và công nợ tại ngày thanh toán và giá trị đáo hạn của hợp đồng được trình bày như trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VND

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	467.529.651.751	96.997.579.518	467.529.651.751	96.997.579.518
Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Đầu tư sẵn sàng để bán				
Cổ phiếu niêm yết	34.160.445.456	(8.969.898.842)	25.190.546.614	41.333.025.596
Có phiếu chưa niêm yết	4.826.441.000	(4.178.105.822)	648.335.178	666.681.711
Chứng chỉ quỹ	-	19.925.997.500	-	19.925.997.500
Trái phiếu Doanh nghiệp	91.520.500.000	(1.503.000.000)	N/A	N/A
Các khoản cho vay và phải thu				
Tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn	367.367.073.437	-	367.367.073.437	626.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn dài hạn	162.057.534.246	-	N/A	N/A
Các khoản đầu tư khác	30.000.000.000	(800.000.000)	N/A	N/A
Phải thu Khách hàng	191.999.709.946	(9.687.138.796)	182.312.571.150	165.135.451.126
Phải thu khác	28.155.188.210	(876.279.984)	27.278.908.226	38.871.380.278
Lãi dự thu	21.947.398.620	-	21.947.398.620	38.177.918.426
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	98.698.496.819	-	98.698.496.819	113.901.655.485
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	N/A	N/A
Các khoản ký quỹ khác	3.326.294.477	(109.722.816)	N/A	N/A
Giá trị ghi sổ	1.513.588.733.962	(26.124.146.260)	1.527.928.594.234	96.997.579.518
Giá trị hợp lý				96.997.579.518

VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND			
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	166.665.759.670	112.626.659.426	166.665.759.670	112.626.659.426
Phải trả cổ tức	4.526.851.757	3.793.125.508	4.526.851.757	3.793.125.508
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	264.182.074.896	311.883.894.722	264.182.074.896	311.883.894.722
Chi phí trích trước	7.192.377.140	9.792.314.284	7.192.377.140	9.792.314.284
Phải trả khác	7.506.695.049	13.257.116.077	7.506.695.049	13.257.116.077
	450.073.758.512	451.353.110.017	450.073.758.512	451.353.110.017

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và quy định cụ thể theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Giá trị hợp lý của các Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu Khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết xác định dựa trên giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết khác được xác định dựa trên giá bình quân tính trên các báo cáo giá của ba (3) công ty chứng khoán lớn và có uy tín trên thị trường. Nếu cổ phiếu chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Tổng Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu của năm nay. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã Số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau
				phân loại lại
VND				
Bảng cân đối kế toán				
Các khoản phải thu khác (i)	136	92.202.490.740	(4.467.505.200)	87.734.985.540
Phải thu dài hạn khác (i)	218.2	-	4.467.505.200	4.467.505.200
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Thu nhập khác (ii)	31	5.460.816.704	(1.667.131.554)	3.793.685.150
Chi phí khác (ii)	32	2.185.525.460	(1.667.131.554)	518.393.906
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Tiền thu phí và hoa hồng	(iii)	845.234.910.999	(845.234.910.999)	-
Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	(iii)	46.198.809.581	(46.198.809.581)	-
Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	(iii)	122.417.963.474	(122.417.963.474)	-
Trả tiền bồi thường bảo hiểm	(iii)	(355.906.401.737)	355.906.401.737	-
Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	(iii)	(306.555.704.163)	306.555.704.163	-
Trả tiền cho người bán và người cung cấp dịch vụ	(iii)	(95.866.663.050)	95.866.663.050	-
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác (iv)	01	-	891.433.720.580	891.433.720.580
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ (iv)	02	-	(758.328.768.950)	(758.328.768.950)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (iv)	06	-	122.417.963.474	122.417.963.474

(i) Số phân loại lại thể hiện số dư lãi dự thu phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi có thời gian đáo hạn trên một năm kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(ii) Số phân loại lại thể hiện giá trị còn lại của các tài sản cố định đã thanh lý trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(iii) Những khoản mục này đã được trình bày trên báo cáo tài chính năm trước và không được trình bày trên báo cáo tài chính của năm nay.

(iv) Số liệu được trình bày lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.


 Ông Châu Tuấn
 Người lập biểu


 Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
 Kế toán Trưởng


 Ông Phan Quốc Dũng
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2019



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

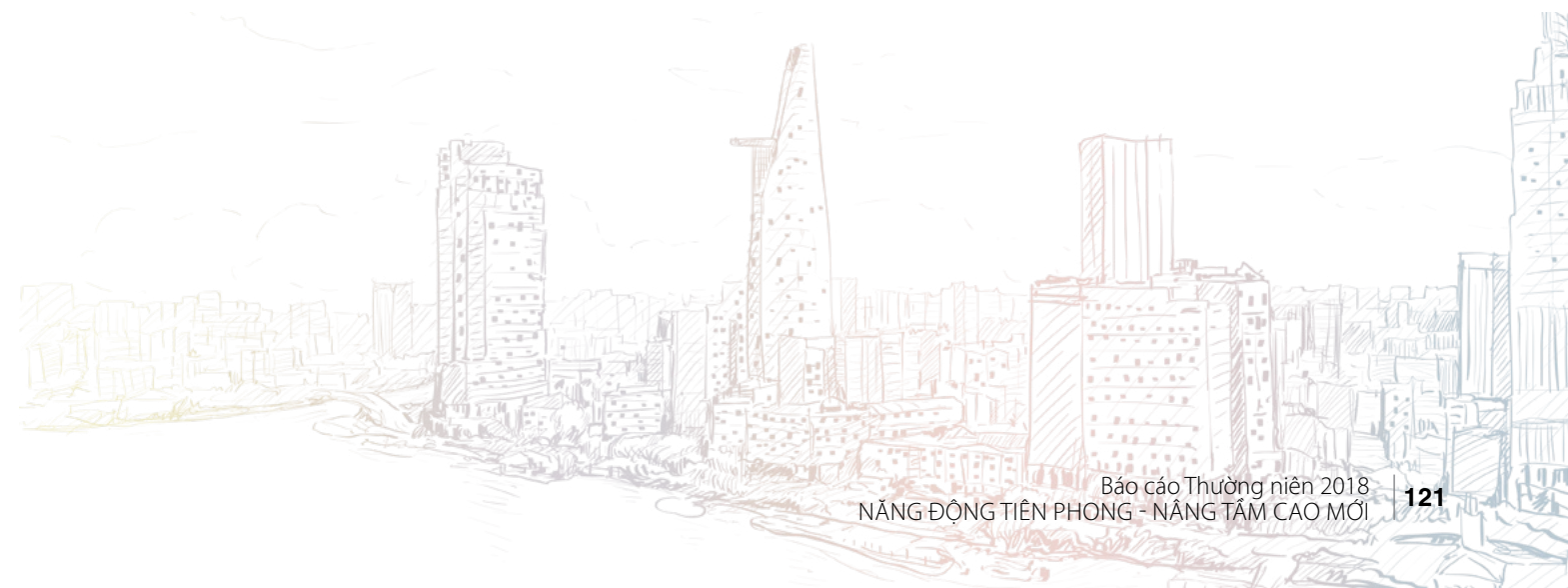
STT	Công ty Thành viên	Phòng kinh doanh Khu vực	Địa chỉ Đơn vị	Điện thoại	Fax
KHU VỰC DUYÊN HẢI BẮC BỘ					
1	BL Thái Nguyên		34 đường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	0208.3651115	0280.3651113
1.1		Lạng Sơn	515B, Đ. Trần Đăng Ninh, xã Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	02053.889955	
2	BL Quảng Ninh		Tầng 3-6 căn nhà Ô số 3, ô số 4* QH đất xen kẹp nhà văn hóa khu 6A, Phường Hồng Hải, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	02033.819295	02033.815185
2.1		Cẩm Phả	Số Nhà 397, Tổ 68, Khu Diêm Thủy, Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	02033.710555	
2.2		Uông Bí	404 Trần Nhân Tông, P. Thanh Sơn, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	02033.669456	02033.664889
3	BL Phú Thọ		Tòa nhà MB, Số 1596, Đường Hùng Vương, P. Gia Cẩm, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	0210.3652999	0210.3652288
3.1		Lào Cai	Tầng 2, showroom moto D1, P. Bắc Cường, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai		
4	BL Hải Phòng		Tầng 7, Tòa Nhà CPN, Số 7 Lê Hồng Phong, P. Đồng Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	02253.686999	02253.686888
4.3		Tây Nam	Số 14, ngách 84, ngõ 174, Tây Sơn, Đống Đa, TP. Hà Nội	0313.686.999/ 777/555	0313.686.888
4.4		Hà Nội	14/178/48 Tây Sơn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội		
4.5		Hưng Yên	Xóm 2 Thôn Mế Xá, Xã Nguyễn Trãi, Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	0913.819.568	
5	BL Bắc Ninh		Tầng 4, 316 Trần Hưng Đạo, Phường Đại Phúc, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	0222.3861666	0222.3634567
5.1		Bắc Giang 1	Lô G14, Đường Cả Trọng, P. Đình Kế, Bắc Giang	02043.555.785	
5.2		Bắc Giang 2	Lô G14, Đường Cả Trọng, P. Đình Kế, Bắc Giang		
6	BL Hải Dương		167 Ngô Quyền, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương		
6.1		Chí Linh	Trúc Thôn, Phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	0220.3833999	
7	BL Nam Định		Tầng 2, nhà số 32 Đông A - KĐT Hòa Vương, P. Lộc Vương, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định	0228.3511199	0228.3511199
7.1		Tây Nam	KM3.5 Quốc lộ 10, Lộc An, TP. Nam Định		
7.2		Phương Nam	Tổ 18 TT Bùi Chu, xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định		
8	BL Vinh Phúc		Tầng 2, Tòa nhà Viettel Vinh Phúc, Lô S1, Khu đô thị chùa Hà Tiên, TP. Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc	0211.6251186	0211.6251186
8.1		Hà Thành	38/64/3 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội		
9	BL Đông Hải		01 phòng tại tầng 8 tòa nhà 9 tầng nhà khách Hải Quân, số 5 Lý Tự Trọng, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	02253.816666	02253.250599
9.1		Khoái Châu	Hồng Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên	0975.033.893	
10	BL Ninh Bình		TTTTM Bình An Nhiên, số 90 đường Lê Hồng Phong, Phường Vân Giang, tỉnh Ninh Bình	0229.3876899	0229.3875899
10.1		Yên Khánh	Phố 1, TT Yên Ninh, Huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình		
10.2		Tam Điệp	P. Trung Sơn, Tp. Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình		
10.3		Hà Nam	170 Lê Công Thanh, Phủ Lý, Hà Nam	03513889269	03513889269
11	BL Thái Bình		Tầng 2, Lô số 20+22/TT4G Dự án Khu phố 3, Khu đô thị mới Trần Hưng Đạo, Thánh phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	0227.6528666	0227.3658966

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

STT	Công ty Thành viên	Phòng kinh doanh Khu vực	Địa chỉ Đơn vị	Điện thoại	Fax
KHU VỰC HÀ NỘI					
12	BL Hà Nội		Tầng 1, tòa nhà số 30, Trung Liệt, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa, Hà Nội	024.37629070	024.37629045
13	BL Thủ Đô		A46, TT16 Khu đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	024.37824330	024.37824331
14	BL Thăng Long		Tầng 2, Tòa nhà ACCI số 210 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội	024.71086033	024.71086033
15	Sở GD miền Bắc		Tầng 5, 6 số 5 ngõ 75 Trần Thái Tông, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	024.4450108	
16	BL Đông Đô		Tầng 04, TT 01-03-103 Nguyễn Xiển, Thanh Xuân, Hà Nội	024.66641786	
16.1		Mỹ Đức - Hà Tây	Xóm 10 - Phù Lưu Tế - Huyện Mỹ Đức - TP. Hà Nội		
KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN					
17	BL Thanh Hóa		33 Bà Triệu, Phường Đông Thọ, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	0237.3855658	0237.3859658
18	BL KV Bắc Trung Bộ		Tầng 3, Số 2 Nguyễn Sỹ Sách, TP. Vinh, Nghệ An	0238.3575368	0238.3575268
18.1		Hà Tĩnh	365 Trần Phú, KP Vinh Hòa, P. Thạch Linh, TP. Hà Tĩnh	0393.690696	0393.868585
18.2		Bắc Nghệ An	Khối 3 - Thị trấn Diễn Châu - H. Diễn Châu - Tỉnh Nghệ An		
18.3		Tây Nghệ An	437 Khối Đống Tâm, P. Hòa Hiếu, Tx Thái Hòa, tỉnh Nghệ An		
18.4		Đô Lương	Xóm Yên Thế, xã Yên Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An		
18.5		Quỳnh Lưu	Xóm 3 - Xã Quỳnh Hồng - Huyện Quỳnh Lưu- Tỉnh Nghệ An		
19	BL KV Trung Bộ		Tầng 1, Số 23 Nguyễn Văn Cừ, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	0234.3978288	0234.3879099
19.1		Quảng Trị	69 Lý Thường Kiệt, Tp. Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	053.3568989	
20	BL KV Tây Nguyên		161 Ngõ quyen, P. Tân An, TP. Buôn Mê Thuột, Đak Lak	0262.8553789	0262.3968768
20.1		Đăk Nông	135 đường Quang Trung, Thôn 1a, Cư nị, TT Eakar, Đak Lak	0501.3543390	
20.2		Eakar	TDP2, P.Nghĩa Thành, TX Gia Nghĩa, Đăk Nông		
21	BL Đà Nẵng		45 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. Hải Châu - Đà Nẵng	0236.3840890	0236.3840656
21.1		Hội An	392 Cửa Đại, P. Cẩm Châu, TP. Hội An, T. Quảng Nam		
22	BL Quảng Ngãi		Số 21 đường Trường Chinh, P. Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	0255.6556999	0255.3836181
22.2		Núi Thành	500 Phạm Văn Đồng, TT Núi Thành, H.Núi Thành, T. Quảng Nam	0510.3870468	0510.3870468
22.3		Bắc Quảng Nam	Tổ 64 P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng		
23	BL Phú Yên		242-244-246 Hùng Vương - TP. Tuy Hòa - Phú Yên	02573.821979	02573.810409/ 0257. 813199
23.1		Đông Hòa	KP 2, TT Hòa Vinh, H.Đông Hòa, Phú Yên	0573.531979	0573.531979
23.2		Tuy An	Thôn Phú Mỹ, xã An Dân, H Tuy An, Phú Yên	0573.866077	0573.866077
23.3		Sông Cầu	148 Phạm Văn Đồng, KP Long Hải, Phường Xuân Phú, TX Sông Cầu, Phú Yên	0573.876616	0573.876616
24	BL Bình Định		Căn nhà số 48 đường Hoàng Văn Thụ, P. Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Bình Định	0256.3846350	0256.3846380
24.1		Phù Cát	10 Đường Hai Bà Trưng, TT Ngô May, H. Phù Cát, tỉnh Bình Định	056.3604198	
24.2		An Nhơn	30/3, Bắc Ngõ Gia Tự, P. Bình Định, TX An Nhơn, tỉnh Bình Định	056.3735157	056.3961356
24.3		Hoài Nhơn	177 Quang Trung, TT Đống Sơn, H. Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	056.3961355	056.3961356

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

STT	Công ty Thành viên	Phòng kinh doanh Khu vực	Địa chỉ Đơn vị	Điện thoại	Fax
KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN					
25	BL Khánh Hòa		236 (số cũ 118) Nguyễn Thị Minh Khai, Tp Nha Trang, Khánh Hòa	02583 515229 02583 516609	02583 515209 02583 516609
25.1		Ninh Thuận	5 Trần Phú, P. Thanh Sơn, Tp Phan Rang-Tháp chàm, tỉnh Ninh Thuận	02593 828768	02593 828768
25.2		Ninh Hòa	441 Trần Quý Cáp, P. Ninh hiệp, Tx Ninh hòa, Khánh Hòa	02583 631666	02583 631666
25.3		Cam Lâm	TT Cam Đức, Cam Lâm, Khánh Hòa.	058.3859268	
25.4		Cam Ranh	131 Phạm Văn Đồng, P. Cam Thuận, Tp Cam Ranh, Khánh Hòa	02583 950380	02583 950380
25.5		Vạn Ninh	469 Hùng Vương, TT Vạn Giã, H. Vạn Ninh, KH	02583 840223	02583 840223
26	BL Bình Thuận		Số E3 Đường Hùng Vương, KP14, P. Phú Thủy, Phan Thiết, Bình Thuận	0252. 6253179	0252.6253179
27	BL Lâm Đồng		2F Đường Ba Tháng Tư, P. 03, Tp. Đà Lạt, T. Lâm Đồng	0263.3837568	0263.3837268
27.1		Phú Mỹ Hưng	1411 Nguyễn Văn Linh, P. Tân Phong, Q.7, TP.HCM	08.39958155	08.39958156
27.2		Bảo Lộc	121C Trần Phú, TP Bảo Lộc, Lâm Đồng	063.3958888	063.3958999
28	BL Gia Lai		53 Nguyễn Tất Thành, Khu phố mới Hoa Lư - Phù Đổng, P. Hoa Lư, Tp. Pleiku, T. Gia Lai	02693.829767	02693.714243
28.1		Kon Tum	384 Trần Phú, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum		
29	BL Quảng Bình		Tầng 1, số 453 Lý Thường Kiệt, Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	0232.3838233	0232.3838234
KHU VỰC TP.HCM					
30	Sở GD Bảo Long		159 Hoa Lan, P.2, Q. Phú Nhuận, TP.HCM	028.35172915	028.35172921
31	BL Bến Thành		50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1	028.39145312	028.39145311
32	BL TP.HCM		Lầu 4, 50 Bis - 52 - 46/10 Phạm Hồng Thái, P. Bến Thành, Q.1	028.38296268	028.38296269
33	BL Sài Gòn		449 Trần Hưng Đạo, P.Cầu Kho, Q1, TP. HCM	028.39202288	028.39204556
33.1		Củ Chi	23 Lê Vĩnh Huy, Khu phố 7, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp. HCM	02836369909	
34	BL Nam Sài Gòn		39 Hải Thượng Lãn Ông, P.10, Q.5 - TP.HCM	028.38537990	028.38536079
35	BL Gia Định		94 Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	028.35264405	028.35261158
36	BL Tân Sơn Nhất		95 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	028.39903119	028.39903117
37	BL Đông Sài Gòn		Tầng 6, Tòa nhà số 50bis-52-46/10 Phạm Hồng Thái, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM	028.38279478	028.38239254
38	BL Đông Phương		Tầng 5-Tầng 6 Tòa nhà 44-46 Châu Văn Liêm, P.10, Q.5, TP. HCM	028.39505014 028.39505015	028.39505013



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

STT	Công ty Thành viên	Phòng kinh doanh Khu vực	Địa chỉ Đơn vị	Điện thoại	Fax
KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ					
39	BL Bình Dương		126 Đại Lộ Bình Dương, P. Phú Hòa -Tx TDM - Bình Dương	0274.3837108	0274.3837109
39.1		Phú Giáo	550 KP2, Thị trấn Phước Vĩnh, H. Phú Giáo, T. Bình Dương		
40	BL Đồng Nai		176 Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất -Tp Biên Hòa-Đồng Nai	02513.822112 02513.918095	02513.822966
41	BL Vũng Tàu		Tầng 4-5, Tòa nhà 89 Lê Lợi, P6, TP. Vũng Tàu	02543.591033	02543.591932
41.1		Bà Rịa	389 CMT8, P. Phước Nguyên, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		
41.2		Phước Tỉnh	37 tổ 2, ấp Phước Thọ, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Không sử dụng	Không sử dụng
41.3		Tân Thành	Quốc lộ 51A, TT Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu		
42	BL Tây Ninh		Tầng 2, Tòa nhà Ngân hàng ACB, số 448 Đường 30/4, KP1, P.3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	0276.3846666	0276.3627666
42.1		Trảng Bàng	Ấp Suối Sâu, Xã An Tịnh, Trảng Bàng, Tây Ninh		
KHU VỰC MIỀN TÂY					
43	BL Long An		Tầng 4, Tòa nhà số 68A Hùng Vương, Phường 2, TP. Tân An, Long An	02723.550677	02723.550477
43.1		Mỹ Tho	Lầu 3, Nhà số 134-136 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, TP Mỹ Tho, Tiền Giang.	073.3976239	Không sử dụng
44	BL Cần Thơ		30 A3, Khu dân cư Hưng Phú I, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	02923.834117	0292.3766466
44.1		Vĩnh Long	11-11A-11B-11C Phạm Thái Bường, P.4, Tp.Vĩnh Long	0270.3842.197	0270.3842.197
44.2		Hậu Giang	89 Đường 30/4, KV2, P.Thuận An, TX. Long Mỹ, T. Hậu Giang	0711.511.471	Không sử dụng
44.3		An Giang	100/5N Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, An Giang		
44.4		Đồng Tháp	60-62 Đốc Binh Kiều, P2, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp		
44.5		Trà Vinh	23 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.2. TP Trà Vinh, Trà Vinh		
45	BL Cà Mau		Số 114A, đường Nguyễn Công Trứ, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, Cà Mau	0290.3520557	0290.3520556
45.1		Bạc Liêu	14 Lý Thường Kiệt, P.3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	07813.686566	07813.686566
46	BL Kiên Giang		Số L7-12 Đường Trần Quang Khải, P. An Hòa, Tp. Rạch Giá, T. Kiên Giang	02973.778686	02973.777793
46.1		Châu Đốc	531 Nguyễn Văn Thoại, Cầu Phú, Châu Đốc, An Giang		



Báo cáo thường niên này được in với số lượng có hạn, sử dụng chất liệu giấy thân thiện môi trường từ các nguồn có hệ thống quản lý rừng theo tiêu chuẩn Quốc tế và được đăng tải tại website: www.baolonginsurance.com.vn



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

- 🏠 : 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao,
Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
- ☎ : (84.28) 3823 9219
- ☎ : (84.28) 3822 8967
- ✉ : info@baohiembalong.vn
- 🌐 : baolonginsurance.com.vn